

Ban tổ chức bán đấu giá cổ phần thuộc quyền sở hữu của Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh Vốn Nhà nước tại CTCP Nhiệt điện Quảng Ninh khuyến cáo các nhà đầu tư tiềm năng nên tham khảo Bản công bố thông tin này và quy chế bán đấu giá trước khi quyết định đăng ký tham gia đấu giá. Việc chào bán cổ phần này không phải là đợt chào bán để huy động vốn cho công ty mà chỉ làm thay đổi tỷ lệ sở hữu trong cơ cấu cổ đông và không làm thay đổi mức vốn điều lệ đã đăng ký của Công ty.

BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN

ĐẤU GIÁ CỔ PHẦN CỦA TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ KINH DOANH VỐN NHÀ NƯỚC

TẠI

CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN QUẢNG NINH

TỔ CHỨC CHÀO BÁN CỔ PHẦN

TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ KINH DOANH VỐN NHÀ NƯỚC

Địa chỉ : Tầng 23, Tòa nhà Charmvit, số 117 Trần Duy Hưng, Q. Cầu Giấy, Hà Nội
Điện thoại : (84-4) 3824 0703 Fax: (84-4) 6278 0136
Website : www.scic.vn

TỔ CHỨC CÓ CỔ PHIẾU ĐƯỢC CHÀO BÁN

CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN QUẢNG NINH

Địa chỉ : Tổ 33, khu 5, phường Hà Khánh, thành phố Hạ Long, Quảng Ninh, Việt Nam
Điện thoại : (84-3) 3365 7539 Fax: (84-3) 3365 7540
Website : <http://quangninhhtpc.com>

TỔ CHỨC TƯ VẤN

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN MARITIME (MSI)

Trụ sở chính : Tầng 1&3, Tháp A, Tòa nhà Sky City, 88 Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội
Điện thoại : (84-4) 37765929 Fax: (84-4) 37765928
Website : www.msi.com.vn



THÔNG TIN VỀ ĐỢT CHÀO BÁN CỔ PHẦN CỦA TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ KINH DOANH VỐN NHÀ NƯỚC

1. THÔNG TIN VỀ TỔ CHỨC CÓ CỔ PHIẾU ĐƯỢC CHÀO BÁN

Tên công ty	: CTCP Nhiệt Điện Quảng Ninh
Địa chỉ	: Tổ 33, khu 5, phường Hà Khánh, thành phố Hạ Long, Quảng Ninh, Việt Nam
Vốn điều lệ hiện tại	: 4.500.000.000.000 (Bốn nghìn năm trăm tỷ đồng)
Tổng số cổ phần	: 450.000.000 cổ phần
Mệnh giá	: 10.000 đồng/cổ phần
Ngành nghề kinh doanh chính	: <ul style="list-style-type: none">❖ Sản xuất, truyền tải và phân phối điện;❖ Buôn bán vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng.

2. THÔNG TIN VỀ ĐỢT CHÀO BÁN

Tổ chức chào bán cổ phần	: Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước
Tên cổ phần chào bán	: Cổ phần CTCP Nhiệt điện Quảng Ninh
Loại cổ phần chào bán	: Cổ phần phổ thông, tự do chuyển nhượng
Tổng số lượng chào bán	: 51.401.089 cổ phần (tương đương 11,42% vốn điều lệ)
Phương thức chào bán	: Bán đấu giá công khai cả lô cổ phần
Chuyển quyền sở hữu	: Chuyển nhượng trực tiếp tại Tổ chức phát hành

3. TỔ CHỨC TƯ VẤN BÁN ĐẤU GIÁ

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN MARITIME (MSI)

Trụ sở chính	: Tầng 1-3, Tháp A, Tòa nhà Sky City, 88 Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội
Điện thoại	: (84.4) 3776 5929 Fax: (84.4) 3776 5928
Website	: www.msi.com.vn
CN Hà Nội	: Tầng 9, 115 Trần Hưng Đạo, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Điện thoại	: (84.4) 3776 5929 (ext: 3240) Fax: (84.4) 3822 3131
CN Hồ Chí Minh	: Tầng 2, Maritime Tower, 180-192 Nguyễn Công Trứ, Q1, Tp. HCM
Điện thoại	: (84.8) 3521 4299 Fax: (84.8) 39141969

MỤC LỤC

MỤC LỤC.....	i
DANH MỤC BẢNG BIỂU	iv
DANH MỤC HÌNH.....	iv
PHẦN I: CĂN CỨ PHÁP LÝ	1
1. CĂN CỨ PHÁP LÝ LIÊN QUAN TỚI ĐỢT BÁN ĐẤU GIÁ.....	1
2. CĂN CỨ PHÁP LÝ LIÊN QUAN TỚI TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ KINH DOANH VỐN NHÀ NƯỚC (SCIC)	1
PHẦN II: CÁC NHÂN TỐ RỦI RO.....	2
1. RỦI RO VỀ KINH TẾ	2
1.1. Tốc độ tăng trưởng kinh tế Việt Nam	2
1.2. Rủi ro lạm phát.....	3
1.3. Rủi ro lãi suất.....	3
1.4. Rủi ro tỷ giá	4
2. RỦI RO VỀ LUẬT PHÁP	4
3. RỦI RO ĐẶC THÙ.....	4
4. RỦI RO CỦA ĐỢT CHÀO BÁN	5
5. RỦI RO KHÁC	5
5.1. Đối với Công ty	5
5.2. Đối với Nhà đầu tư.....	5
PHẦN III: CÁC BÊN LIÊN QUAN ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN.....	6
1. TỔ CHỨC CÓ CỔ PHIẾU ĐƯỢC CHÀO BÁN.....	6
2. TỔ CHỨC TƯ VẤN BÁN ĐẤU GIÁ	6
PHẦN IV: CÁC KHÁI NIỆM VÀ TỪ VIẾT TẮT	7
PHẦN V: TÓM TẮT QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN QUẢNG NINH	9
1. QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN	9
2. GIỚI THIỆU VỀ CÔNG TY.....	10
3. CƠ CẤU VỐN CỔ PHẦN.....	10
4. DANH SÁCH CỔ ĐÔNG NẪM GIỮ TỪ TRÊN 5% VỐN CỔ PHẦN CỦA CÔNG TY.....	11
5. DANH SÁCH CÔNG TY CON, CÔNG TY LIÊN KẾT	11
6. CƠ CẤU BỘ MÁY QUẢN LÝ CỦA CÔNG TY.....	12
6.1. Đại hội đồng cổ đông.....	12

6.2. Hội đồng quản trị.....	12
6.3. Ban kiểm soát.....	15
6.4. Tổng Giám đốc.....	16
6.5. Các khối, trung tâm chính.....	17
7. SƠ ĐỒ TỔ CHỨC CỦA CÔNG TY	19
8. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG KINH DOANH CỦA CÔNG TY	20
8.1. Tình hình hoạt động kinh doanh	20
8.2. Tình hình doanh thu – lợi nhuận	21
8.3. Cơ cấu doanh thu	22
8.4. Chi phí hoạt động	22
8.5. Nguyên vật liệu.....	23
8.6. Đối tác và sản phẩm đầu vào	23
8.7. Công Nghệ	23
8.8. Quy trình sản xuất	25
8.9. Nhãn hiệu thương mại	25
8.10. Tóm tắt một số chỉ tiêu về hoạt động sản xuất kinh doanh giai đoạn 2013, 2014, 2015 và 6T/2016	26
8.11. Các chỉ tiêu tài chính cơ bản	28
9. CHÍNH SÁCH ĐỐI VỚI NGƯỜI LAO ĐỘNG	31
10. CHÍNH SÁCH CỔ TỨC.....	32
11. TÌNH HÌNH TÀI SẢN CỦA CÔNG TY	32
12. TRIỂN VỌNG PHÁT TRIỂN	33
12.1. Vị thế của Công ty.....	33
12.2. Triển vọng phát triển ngành	33
13. PHÂN TÍCH SWOT.....	34
14. KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH 2016.....	35
14.1. Chiến lược phát triển giai đoạn 2016 – 2020	35
14.2. Biện pháp thực hiện	35
15. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC, KẾ TOÁN TRƯỞNG, BAN KIỂM SOÁT.....	36
16. CÁC TRANH CHẤP, KIẾN TỤNG CÓ LIÊN QUAN	37
17. THÔNG TIN VỀ NHỮNG TRANH CHẤP KIẾN TỤNG LIÊN QUAN TỚI CÔNG TY CÓ THỂ ẢNH HƯỞNG TỚI GIÁ CHỨNG KHOÁN.....	37
18. LƯU Ý KHÁC.....	37
18.1. Ý kiến kiểm toán ngoại trừ trên BCTC Kiểm toán 2014.....	37

18.2. Ý kiến kiểm toán ngoại trừ trên BCTC Kiểm toán 2015.....	37
18.3. Ý kiến kiểm toán ngoại trừ trên BCTC soát xét 6 tháng năm 2016.....	38
PHẦN VI: THÔNG TIN LIÊN QUAN TỚI ĐỢT BÁN ĐẤU GIÁ	39
1. THÔNG TIN CƠ BẢN VỀ VIỆC BÁN ĐẤU GIÁ	39
2. MỤC ĐÍCH CỦA VIỆC CHÀO BÁN	40
3. ĐỊA ĐIỂM CÔNG BỐ THÔNG TIN	40
4. ĐỐI TƯỢNG, ĐIỀU KIỆN THAM GIA ĐẤU GIÁ	40
5. NỘP ĐƠN ĐĂNG KÝ THAM GIA ĐẤU GIÁ	41
6. LẬP VÀ NỘP PHIẾU THAM DỰ ĐẤU GIÁ.....	42
6.1. Phiếu tham dự đấu giá hợp lệ.....	42
6.2. Bỏ phiếu tham dự đấu giá kín theo đúng thời hạn quy định.....	42
7. THỦ TỤC CHUYỂN NHƯỢNG CỔ PHẦN	42
PHẦN VII: THAY LỜI KẾT	43

DANH MỤC BẢNG BIỂU

Bảng 1: Cơ cấu cổ đông tính tại ngày 31/12/2015	10
Bảng 2: Danh sách cổ đông sở hữu trên 5% vốn điều lệ tại ngày 31/12/2015	11
Bảng 3: Tóm tắt tình hình doanh thu – lợi nhuận qua các năm	20
Bảng 4: Chi phí hoạt động qua các năm	22
Bảng 5: Bảng cân đối kế toán tóm tắt các năm 2013, 2014, 2015 và 6T/2016	26
Bảng 6: Kết quả hoạt động kinh doanh giai đoạn 2013, 2014, 2015 và 6T/2016	27
Bảng 7: Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước của Công ty	28
Bảng 8: Các quỹ của Công ty	28
Bảng 9: Các khoản phải thu của Công ty	29
Bảng 10: Các khoản phải trả của Công ty	29
Bảng 11: Chỉ số đánh giá hiệu quả hoạt động	30
Bảng 12: Chỉ số đánh giá khả năng sinh lời	30
Bảng 13: Chỉ số đánh giá khả năng quản lý công nợ	31
Bảng 14: Cơ cấu nguồn nhân lực tại thời điểm 30/06/2016	31
Bảng 15: Tài sản cố định hữu hình của doanh nghiệp tại thời điểm 30/06/2016	32
Bảng 16: Danh mục tài sản đất đai	32
Bảng 17: Danh sách Ban lãnh đạo và điều hành Công ty	36

DANH MỤC HÌNH

Hình 1: Tốc độ tăng trưởng GDP của Việt Nam	2
Hình 2: Tỷ lệ lạm phát của Việt Nam	3
Hình 3: Quá trình hình thành và phát triển	9
Hình 4: Sơ đồ tổ chức Công ty	19
Hình 5: Tình hình doanh thu – lợi nhuận của Công ty	21
Hình 6: Biến động doanh thu giai đoạn 2012 – 6T/2016	22
Hình 7: Quy trình sản xuất điện năng	25

PHẦN I: CĂN CỨ PHÁP LÝ

1. CĂN CỨ PHÁP LÝ LIÊN QUAN TỚI ĐỢT BÁN ĐẦU GIÁ

- ❖ Luật Doanh nghiệp 68/2014/QH13 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2014;
- ❖ Luật Quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp số 69/2014/QH13 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2014;
- ❖ Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 ngày 29/06/2006 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua;
- ❖ Luật Chứng khoán sửa đổi số 62/2010/QH12 ngày 24/11/2010 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua;
- ❖ Căn cứ Nghị định 91/2015/NĐ-CP ngày 13/10/2015 của Chính Phủ về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tại doanh nghiệp;
- ❖ Nghị định 59/2011/NĐ-CP ngày 18/7/2011 của Chính phủ về việc chuyển doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước thành công ty cổ phần;
- ❖ Nghị định 116/2015/NĐ-CP ngày 11/11/2015 sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định 59/2011/NĐ-CP ngày 18/7/2011 của Chính phủ về việc chuyển doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước thành công ty cổ phần;
- ❖ Nghị định 58/2012/NĐ-CP ngày 20/07/2012 của Chính phủ về việc quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán;
- ❖ Nghị định 60/2015/NĐ-CP ngày 26/06/2015 của Chính phủ về việc sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định 58/2012/NĐ-CP ngày 20/07/2012;

2. CĂN CỨ PHÁP LÝ LIÊN QUAN TỚI TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ KINH DOANH VỐN NHÀ NƯỚC (SCIC)

- ❖ Nghị định 151/2013/NĐ-CP ngày 01/11/2013 của Chính phủ về chức năng, nhiệm vụ và cơ chế hoạt động của Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước;
- ❖ Nghị định 57/2014/NĐ-CP ngày 16/06/2014 của Chính phủ về Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước;
- ❖ Quyết định số 06/QĐ-ĐTKDV.HĐTV ngày 11/04/2014 của Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước ban hành Quy chế bán cổ phần của Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước tại doanh nghiệp;
- ❖ Hợp đồng số 26/IB.HN/MSBS-SCIC ký giữa Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước và Công ty cổ phần chứng khoán Maritime Bank về việc tư vấn và tổ chức bán đầu giá phần vốn Nhà nước tại Công ty Cổ phần Nhiệt điện Quảng Ninh.
- ❖ Quyết định số 58/QĐ-ĐTKDV.HĐTV ngày 29/08/2016 của Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước về việc bán cổ phần của Tổng Công ty Đầu tư và kinh doanh Vốn Nhà nước tại Công ty Cổ phần Nhiệt điện Quảng Ninh;

PHẦN II: CÁC NHÂN TỐ RỦI RO

Chúng tôi xin lưu ý các nhà đầu tư về các nhân tố rủi ro có thể ảnh hưởng tới kết quả hoạt động của Công ty và/hoặc giá cổ phiếu Công ty mà các nhà đầu tư cần cân nhắc trước khi quyết định đăng ký đầu tư mua cổ phần Công ty Cổ phần Nhiệt điện Quảng Ninh do Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh Vốn nhà nước (SCIC) chào bán.

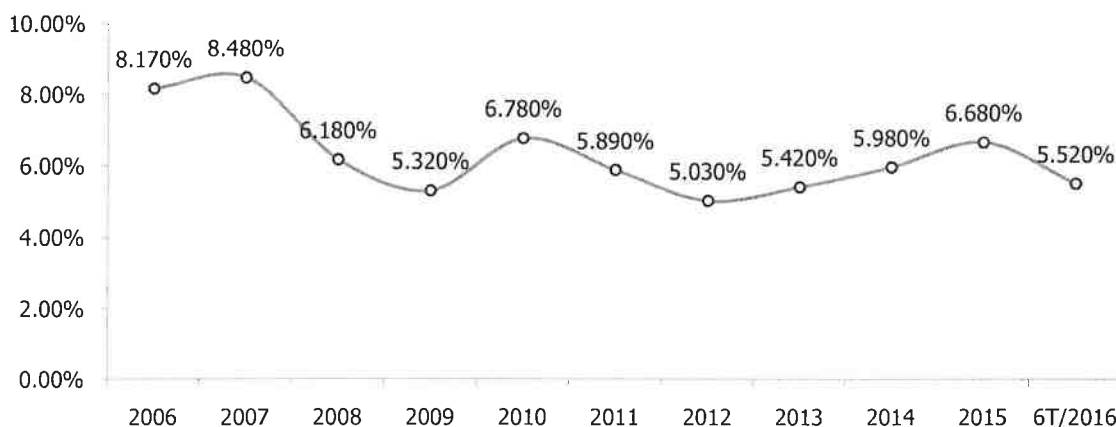
1. RỦI RO VỀ KINH TẾ

1.1. Tốc độ tăng trưởng kinh tế Việt Nam

Thực trạng và xu hướng phát triển của nền kinh tế trong nước luôn ảnh hưởng đến sự tồn tại và phát triển của các doanh nghiệp. Khi nền kinh tế ở giai đoạn tăng trưởng cao sẽ tạo nhiều cơ hội cho doanh nghiệp phát triển. Ngược lại, khi nền kinh tế sa sút, suy thoái sẽ gây ảnh hưởng tiêu cực cho các doanh nghiệp.

Nền kinh tế Việt Nam giai đoạn 2008 - 2012 phải đối mặt với những khó khăn, thách thức lớn như: (i) hàng chục nghìn doanh nghiệp phá sản, (ii) mặt bằng lãi suất cao, (iii) các tổ chức trung gian tài chính (trong đó tiêu biểu là các tổ chức tín dụng) phải đối mặt với việc tái cơ cấu hoặc/và thu hẹp quy mô hoạt động. Bước sang giai đoạn 2013-2014, tuy vẫn còn nhiều khó khăn nhưng kinh tế Việt Nam đã có những biến chuyển theo hướng tích cực hơn, mức tăng GDP cả năm 2013 đạt 5,52%, và tốc độ tăng GDP năm 2014 đạt 5,98%.

Hình 1: Tốc độ tăng trưởng GDP của Việt Nam



Nguồn: Tổng cục Thống kê

Theo Tổng cục thống kê, tốc độ tăng trưởng GDP năm 2015 đạt 6,68% cao hơn nhiều so với cùng kỳ năm trước và vượt trên mức mục tiêu Quốc hội đặt ra đầu năm là 6,2%. Tuy nhiên, trong năm 2016 và trong những năm tiếp theo, kinh tế toàn cầu nhìn chung sẽ phát triển chậm không ổn định vì những bất ổn trong giá cả hàng hóa, thương mại toàn cầu yếu, và các dòng vốn giảm dần. Hàng hóa xuất khẩu các nền kinh tế thị trường mới nổi và đang phát triển đã phải vật lộn để thích nghi để giảm giá đầu và các hàng hóa chủ chốt khác, đi kèm theo đó là những bất ổn về chính trị khiến nền kinh tế thế giới sẽ phải đối mặt hơn với khó khăn, thách thức. Theo số liệu mới nhất của Ngân hàng Thế giới (WB), tốc độ tăng trưởng của năm 2016 là 2,4%¹. Như vậy, sau hơn 7 năm sau cuộc khủng hoảng kinh tế toàn cầu (năm 2008), kinh tế thế giới vẫn chưa lấy lại được đà tăng trưởng như trước đó. Tính đến 6 tháng đầu năm 2016, tăng trưởng GDP mới chỉ đạt 5,52 % so với cùng kỳ năm trước. Tăng trưởng 6 tháng đầu năm nay tuy cao hơn tốc độ tăng của cùng kỳ các năm 2012-2014 nhưng có dấu hiệu chững lại so với tốc độ tăng 6,32% trong 6 tháng đầu năm 2015. Trong nền kinh tế hội nhập như hiện nay, Việt Nam sẽ không thể tránh khỏi những ảnh hưởng tiêu cực từ nền kinh tế thế giới. Như vậy, sự phát

¹<http://www.worldbank.org/en/publication/global-economic-prospects>

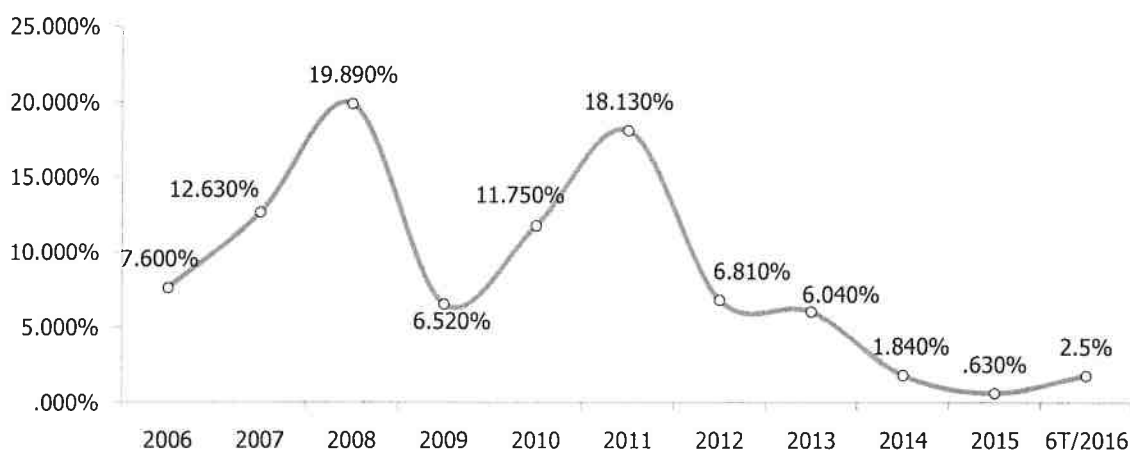
triển của ngành điện nói chung và các hoạt động của CTCP Nhiệt điện Quảng Ninh nói riêng có thể gặp nhiều thách thức hơn trước sự tăng trưởng chậm của nền kinh tế.

1.2. Rủi ro lạm phát

Chỉ số lạm phát ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty thông qua các chi phí nguyên vật liệu đầu vào. Lạm phát gia tăng sẽ khiến chi phí sản xuất kinh doanh của Công ty tăng cao do tăng giá nguyên vật liệu, giá nhân công v.v.

Với nỗ lực từ phía Chính phủ và Ngân hàng nhà nước, cung tiền được điều tiết hợp lý, mặt bằng giá cả ổn định hơn đã kìm hãm được mức tăng của chỉ số CPI. Điều này được thể hiện khá rõ qua các báo cáo của Tổng cục thống kê về tình hình kinh tế xã hội Việt Nam năm 2013 và 2014. Theo báo cáo này, năm 2013 và năm 2014 chỉ số CPI bình quân chỉ còn tăng lần lượt là 6,04% và 4,09% so với năm 2012 và năm 2013. Nền kinh tế Việt Nam tiếp tục chứng kiến xu hướng giảm của mức tăng lạm phát trong năm 2014 xuống mức 4,09% so năm 2013. Năm 2015 là năm có chỉ số giá tiêu dùng tăng thấp nhất trong 15 năm trở lại đây. Chỉ số giá tiêu dùng năm 2015 tăng 0,63% so với năm 2014. CPI tháng 6/2016 tăng 2,35% so với tháng 12/2015, bình quân mỗi tháng tăng 0,39%. CPI bình quân 6 tháng đầu năm 2016 tăng 1,72% so với bình quân cùng kỳ năm 2015, tuy cao hơn so với mức tăng 0,86% của bình quân cùng kỳ năm trước, nhưng thấp hơn nhiều so với mức tăng CPI bình quân 6 tháng của một số năm gần đây. Dự kiến trong thời gian tới, khi rủi ro về lạm phát được kiểm chế ở mức ổn định sẽ tạo ra những ảnh hưởng tích cực tới hoạt động kinh doanh sản xuất của Công ty.

Hình 2: Tỷ lệ lạm phát của Việt Nam



Nguồn: Tổng cục thống kê

1.3. Rủi ro lãi suất

Lãi suất là một trong những yếu tố tác động mạnh tới hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Lãi suất ngân hàng tăng cao sẽ gây áp lực lên chi phí tài chính và ảnh hưởng đến lợi nhuận sau thuế.

Hiện nay, lãi suất cho vay của các ngân hàng đang trong xu hướng giảm bởi lãi suất huy động VND đang tiếp tục giảm nhẹ. Nếu so với thời điểm cuối năm 2012, lãi suất huy động trên thị trường đã giảm khoảng 3-4%/năm. Mặt bằng lãi suất huy động bằng VND trong năm 2016 phổ biến ở mức 4,5-6,5%/năm và 6,4-7,2%/năm đối với tiền gửi có kỳ hạn từ 1 tháng đến dưới 12 tháng và trên 12 tháng. Với mức lãi suất huy động như trên, lãi suất cho vay phổ biến của các ngân hàng thương mại đối với các lĩnh vực ưu tiên ở mức 6-7%/năm đối với ngắn hạn, các NHTM nhà nước tiếp tục áp dụng lãi suất cho vay trung và dài hạn phổ biến đối với các lĩnh vực ưu tiên ở mức 9-10%/năm. Lãi suất cho vay các lĩnh

vực sản xuất kinh doanh thông thường ở mức 6,8-9%/năm đối với ngắn hạn; 9,3-11%/năm đối với trung và dài hạn. Bên cạnh đó, mục tiêu của Ngân hàng Nhà nước còn tiếp tục giảm khoảng 1%-1,5% lãi suất trung hạn trong thời gian tới.

Đối với Công ty Cổ phần Nhiệt điện Quảng Ninh, các khoản vay và nợ ngắn hạn giảm nhẹ trong năm 2015, và xu hướng tiếp tục giảm lãi suất sẽ tạo điều kiện cho CTCP Nhiệt điện Quảng Ninh đẩy mạnh sản xuất kinh doanh.

1.4. Rủi ro tỷ giá

Sự biến động của tỷ giá hối đoái sẽ có ảnh hưởng lên các khoản đầu tư của CTCP Nhiệt điện Quảng Ninh nhận được và tác động trực tiếp lên doanh thu của Công ty.

Để kiểm soát chặt chẽ rủi ro tỷ giá và bình ổn thị trường ngoại hối, trong những năm vừa qua, Ngân hàng Nhà nước đã đưa ra những chính sách khá linh hoạt, hỗ trợ các doanh nghiệp trong nước. Cụ thể, giai đoạn 2013-2014, biên độ điều hành tỷ giá khá ổn định ở mức tăng 2%/năm, đã góp phần tích cực ổn định kinh tế vĩ mô, duy trì được sức mua đối ngoại của đồng Việt Nam, trong bối cảnh sức mua đối nội cũng đã được khôi phục. Tiếp đến năm 2015, Ngân hàng Nhà nước đã có những động thái như ba lần thực hiện điều chỉnh tỉ giá bình quân liên ngân hàng và hai lần điều chỉnh tăng biên độ tỷ giá đồng thời công bố sẽ không điều chỉnh tỉ giá đến cuối năm 2015 khi lường trước những thông tin Cục Dự trữ Liên bang Mỹ có thể điều chỉnh lãi suất vào tháng 9/2015 và sự phá giá đồng Nhân dân tệ, đã giúp cho thị trường ngoại hối dần ổn định.

Năm 2016 được cho là năm nền kinh tế toàn cầu sẽ có nhiều biến động cùng với chính trị bất ổn, làm cho rủi ro tỷ giá ngày càng gia tăng như việc giảm giá các đồng tiền chính trong khu vực, hay giá đồng USD tăng. Tuy nhiên, với chính sách điều hành tỷ giá trung tâm của NHNN hiệu quả, rủi ro về tỷ giá được hy vọng sẽ được kiểm soát một cách hiệu quả.

Công ty Cổ phần Nhiệt điện Quảng Ninh chịu sự ảnh hưởng lớn từ biến động tỷ giá. Năm 2015, Công ty có khoản lỗ chênh lệch tỷ giá chưa phân bổ do đánh giá lại các khoản vay và nợ phải trả tại ngày 31/12/2015 là 515.758.518.279 đồng vào kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của năm 2015. Công ty cũng đã thông báo số lỗ này sẽ được phân bổ trong 4 năm tiếp theo.²

2. RỦI RO VỀ LUẬT PHÁP

Hoạt động kinh doanh của CTCP Nhiệt điện Quảng Ninh hiện đang chịu sự điều chỉnh của Luật Doanh nghiệp, Luật cạnh tranh và các Luật khác có liên quan cùng hệ thống các văn bản hướng dẫn và điều này có thể dẫn đến rủi ro về pháp lý cho CTCP Nhiệt điện Quảng Ninh khi hiện nay hệ thống pháp luật của nước ta thiếu tính ổn định và chưa thật sự nhất quán, các văn bản hướng dẫn thi hành vẫn chưa hoàn chỉnh và đang trong giai đoạn hoàn thiện nên còn nhiều những sửa đổi bổ sung. Thêm vào đó vẫn còn tồn tại nhiều quy định hành chính phức tạp chồng chéo trong quản lý Nhà nước nói chung. Vì thế bất cứ sự thay đổi về luật pháp, ít nhiều ảnh hưởng đến hoạt động quản trị, kinh doanh của Công ty.

Để hạn chế các rủi ro này, Công ty luôn chú trọng nghiên cứu, cập nhật các văn bản pháp luật, chính sách mới, để từ đó xây dựng chiến lược, kế hoạch sản xuất kinh doanh phù hợp.

3. RỦI RO ĐẶC THÙ

Ngành sản xuất và phân phối điện có những đặc thù riêng biệt trong đó phải kể đến sự phụ thuộc vào sản lượng sản xuất của những doanh nghiệp khác (đặc biệt là những doanh nghiệp thuộc ngành sản xuất và phân phối điện), vì vậy khi nền kinh tế biến động sẽ gây ra những hệ quả dây chuyền ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động sản xuất và phân phối của Công ty. Nền kinh tế biến động theo chiều hướng xấu sẽ làm cho hệ thống sản xuất kinh doanh của tất cả các ngành kinh tế bị ảnh hưởng theo. Tổng cầu giảm, chi phí sản xuất cao sẽ làm cho các doanh nghiệp cắt giảm tối đa chi phí sản xuất,

² BCTC đã được kiểm toán năm 2015

giảm sản lượng, điều đó làm cho doanh thu của doanh nghiệp thay đổi. Đây là một rủi ro có tính hệ thống.

4. RỦI RO CỦA ĐỢT CHÀO BÁN

Tình hình thị trường chứng khoán hiện nay còn nhiều bất ổn do các vấn đề hiện hữu của kinh tế vĩ mô vẫn chưa tìm được giải pháp triệt để và đem lại sự tin tưởng cho nhà đầu tư vào bức tranh kinh tế trong tương lai. Trong bối cảnh như vậy, hoạt động đấu giá cổ phần của Công ty Cổ phần Nhiệt điện Quảng Ninh diễn ra sẽ có thể gặp phải rủi ro không có nhà đầu tư tham gia đấu giá hoặc không bán thành công số lượng cổ phần đấu giá.

5. RỦI RO KHÁC

5.1. Đối với Công ty

Trong đợt bán đấu giá, Công ty có thể chịu một số rủi ro bất thường, hiếm có khả năng xảy ra nhưng nếu có sẽ để lại hậu quả rất lớn như thiên tai, hỏa hoạn, chiến tranh, dịch bệnh hiểm nghèo, v.v. Những rủi ro bất khả kháng như vậy có thể gây đình trệ các hoạt động của nền kinh tế nói chung và với Công ty nói riêng.

5.2. Đối với Nhà đầu tư

Nhà đầu tư có thể gặp rủi ro do khi Công ty gặp rủi ro bất khả kháng như chiến tranh, thiên tai, lũ lụt, hỏa hoạn, v.v.

PHẦN III: CÁC BÊN LIÊN QUAN ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN

1. TỔ CHỨC CÓ CỔ PHIẾU ĐƯỢC CHÀO BÁN

CTCP NHIỆT ĐIỆN QUẢNG NINH

Địa chỉ : Tổ 33, khu 5, phường Hà Khánh, Thành phố Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam

Điện thoại : (033) 3657539

Đại diện : Ông Lê Duy Hạnh

Chức vụ : Tổng Giám Đốc

Chúng tôi đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản công bố thông tin này là chính xác, trung thực và cam kết chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của những thông tin và số liệu này.

2. TỔ CHỨC TƯ VẤN BÁN ĐẦU GIÁ

CTCP CHỨNG KHOÁN MARITIME (MSI)

Đại diện : Ông Nguyễn Đức Hoàn

Chức vụ : Phó Tổng Giám đốc

Bản công bố thông tin này là một phần của hồ sơ chào bán phần vốn Nhà nước của Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước tại CTCP Nhiệt điện Quảng Ninh do CTCP Chứng khoán Maritime lập trên cơ sở Hợp đồng tư vấn ký giữa SCIC và MSI về việc tư vấn bán đầu giá phần vốn của Nhà Nước do SCIC đại diện tại doanh nghiệp. Bản công bố thông tin này được Tổ chức tư vấn soạn thảo và công bố phản ánh trung thực dựa trên các tài liệu và thông tin do CTCP Nhiệt điện Quảng Ninh cung cấp. Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn nhà nước và Công ty Cổ phần Chứng khoán Maritime không chịu trách nhiệm về nội dung cũng như tính chính xác về mặt số liệu của Bản công bố thông tin này. Bản công bố thông tin này chỉ mang giá trị tham khảo, nhà đầu tư tham gia mua cổ phần có trách nhiệm tìm hiểu, đánh giá các thông tin về doanh nghiệp và chịu trách nhiệm về quyết định đầu tư của mình.

PHẦN IV: CÁC KHÁI NIỆM VÀ TỪ VIẾT TẮT

Khái niệm

- ❖ Bán đấu giá cổ phần : Việc bán cổ phần Nhà nước của Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh Vốn nhà nước (SCIC) tại Công ty Cổ phần Nhiệt điện Quảng Ninh công khai cho các nhà đầu tư có sự cạnh tranh về giá
- ❖ Cơ quan quyết định bán đấu giá/ Tổ chức chào bán/NĐQN : Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh Vốn nhà nước (SCIC)
- ❖ Công ty/ Công ty Cổ phần : Công ty Cổ phần Nhiệt điện Quảng Ninh
- ❖ Nhà đầu tư : Tổ chức kinh tế và cá nhân trong, ngoài nước theo quy định tại Điều 6 Nghị định 59/2011/NĐ-CP ngày 18/7/2011 của Chính phủ về việc chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty Cổ phần và văn bản hướng dẫn liên quan
- ❖ Tổ chức tư vấn/Tổ chức bán đấu giá/MSI : Công ty Cổ phần Chứng khoán Maritime

Từ viết tắt

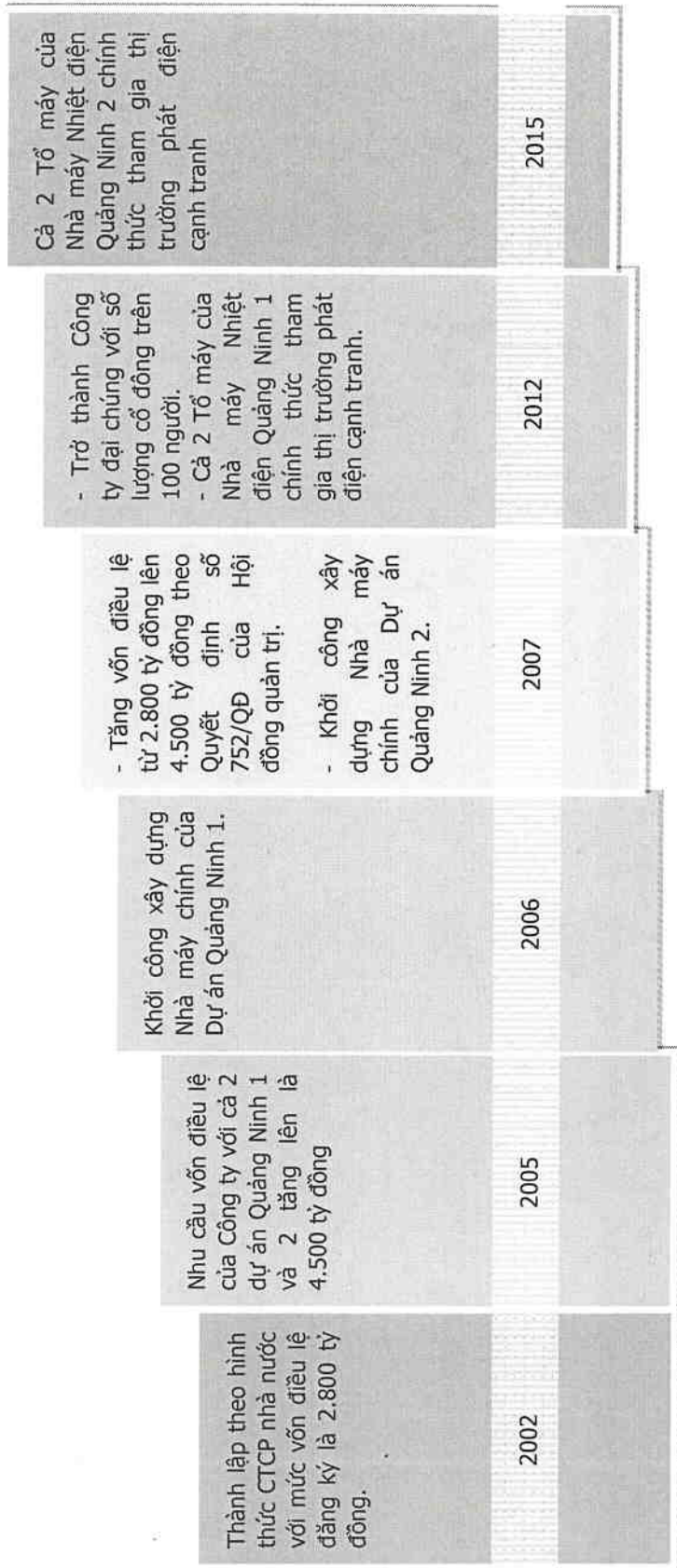
- ❖ BCTC : Báo cáo tài chính
- ❖ C.ty : Công ty
- ❖ CP : Cổ phiếu
- ❖ CPSH : Cổ phiếu sở hữu
- ❖ CSH : Chủ sở hữu
- ❖ CTCP : Công ty Cổ phần
- ❖ DT/DTT : Doanh thu/Doanh thu thuần
- ❖ ĐVT : Đơn vị tính
- ❖ EBIT : Lợi nhuận trước thuế và lãi vay
- ❖ GCN : Giấy chứng nhận
- ❖ GD : Giám đốc
- ❖ GPĐKKD : Giấy phép đăng ký kinh doanh
- ❖ HDQT : Hội đồng quản trị
- ❖ KTKSNB : Kiểm tra kiểm soát nội bộ
- ❖ LD : Lao động

❖ LNST	: Lợi nhuận sau thuế
❖ QLDN	: Quản lý doanh nghiệp
❖ SLCP	: Số lượng cổ phần
❖ SX	: Sản xuất
❖ SXKD	: Sản xuất kinh doanh
❖ TGĐ	: Tổng giám đốc
❖ TMCP	: Thương mại cổ phần
❖ TSCĐ	: Tài sản cố định
❖ TT/STT	: Thứ tự
❖ UBND	: Ủy ban Nhân dân
❖ VAT	: Thuế giá trị gia tăng
❖ VDL	: Vốn điều lệ
❖ VNĐ	: Việt Nam Đồng

PHẦN V: TÓM TẮT QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN QUẢNG NINH


1. QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

Hình 3: Quá trình hình thành và phát triển



Nguồn: CTCP Nhiệt điện Quảng Ninh

2. GIỚI THIỆU VỀ CÔNG TY

Tổ chức phát hành	: CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN QUẢNG NINH
Tên tiếng Anh	: QUANG NINH THERMAL POWER JOINT STOCK COMPANY
Tên viết tắt	: EVN TPC QUANG NINH
Trụ sở chính	: Tổ 33, khu 5, phường Hà Khánh, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam
Điện thoại	: (84-3) 3365 7539
Fax	: (84-3) 3365 7540
Vốn điều lệ	: 4.500.000.000.000 đồng (Bốn nghìn năm trăm tỷ đồng)
Logo	:  EVNTPC QUANG NINH

Theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 2203000081 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Quảng Ninh cấp, đăng ký lần đầu ngày 16/12/2002, đăng ký thay đổi lần thứ bảy ngày 10/06/2014, ngành nghề kinh doanh chủ yếu của Công ty là:

Ngành, nghề kinh doanh	:	❖ Sản xuất, truyền tải và phân phối điện;
		❖ Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
		❖ Dịch vụ lưu trú ngắn ngày;
		❖ Sản xuất xi măng, vôi và thạch cao;
		❖ Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao;
		❖ Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác;
		❖ Sản xuất sản phẩm từ chất khoáng phi kim loại khác chưa được phân vào đầu;
		❖ Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
		❖ Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động;
		❖ Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đầu (loại trừ bán buôn phân bón, thuốc trừ sâu và hóa chất khác sử dụng trong nông nghiệp);
		❖ Đại lý du lịch;
		❖ Giáo dục nghề nghiệp.

3. CƠ CẤU VỐN CỔ PHẦN

Bảng 1: Cơ cấu cổ đông tính tại ngày 31/12/2015

TT	Cổ đông	Số lượng	SL CP	Giá trị (VNĐ)	Tỷ lệ (%)
1.	Cổ đông tổ chức	10	444.223.886	4.442.238.860.000	98,72%
2.	Cổ đông cá nhân	590	5.776.114	57.761.140.000	1,28%

TT	Cổ đông	Số lượng	SL CP	Giá trị (VNĐ)	Tỷ lệ (%)
	Tổng cộng	600	450.000.000	4.500.000.000.000	100%

Nguồn: CTCP Nhiệt điện Quảng Ninh

4. DANH SÁCH CỔ ĐÔNG NẴM GIỮ TỪ TRÊN 5% VỐN CỔ PHẦN CỦA CÔNG TY

Bảng 2: Danh sách cổ đông sở hữu trên 5% vốn điều lệ tại ngày 31/12/2015

TT	Họ và tên	Số lượng CP	Tổng tiền mệnh giá	Tỷ lệ SH (%)
1.	Tổng Công ty Phát điện 1	188.993.824	1.889.938.240.000	42,00%
2.	CTCP Nhiệt điện Phả Lại	73.587.291	735.872.910.000	16,35%
3.	TCT Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước	51.401.089	514.010.890.000	11,42%
4.	TCT Điện lực - Vinacomin	47.784.131	477.841.310.000	10,62%
5.	CTCP Cơ Điện Lạnh	42.085.353	420.853.530.000	9,35%
	TỔNG	403.851.688	4.038.516.880.000	89,74%

Nguồn: CTCP Nhiệt điện Quảng Ninh

5. DANH SÁCH CÔNG TY CON, CÔNG TY LIÊN KẾT

Về mặt pháp lý, CTCP Nhiệt điện Quảng Ninh – Công ty hiện không có công ty mẹ, công ty con, công ty liên kết mà Công ty đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc nắm giữ cổ phần chi phối.

Tuy nhiên, Tổng Công ty phát điện 1 (EVNGENCO1) xét trên tỷ lệ sở hữu thì chỉ là 42%, nhưng Tập đoàn Điện lực Việt Nam (Công ty mẹ của EVNGENCO1) nếu tính trên sở hữu chéo thì trên 51% và là chủ thể của 02 hợp đồng vay đầu tư cho dự án nhà máy Nhiệt điện Quảng Ninh.

6. CƠ CẤU BỘ MÁY QUẢN LÝ CỦA CÔNG TY

6.1. Đại hội đồng cổ đông

Đại hội đồng Cổ đông là cơ quan quyền lực cao nhất của Công ty, và quyết định một số vấn đề chính như sau:

- ❖ Thông qua các báo cáo tài chính năm;
- ❖ Mức cổ tức thanh toán hàng năm cho mỗi loại cổ phần phù hợp với Luật Doanh nghiệp và các quyền gắn liền với loại cổ phần đó. Mức cổ tức này không cao hơn mức mà Hội đồng quản trị đề nghị sau khi tham khảo ý kiến các Cổ đông tại Đại hội đồng Cổ đông ;
- ❖ Số lượng thành viên của Hội đồng quản trị;
- ❖ Lựa chọn Công ty kiểm toán;
- ❖ Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm và thay thế thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;
- ❖ Tổng số tiền thù lao của các thành viên Hội đồng quản trị và Báo cáo tiền thù lao của Hội đồng quản trị;
- ❖ Bổ sung và sửa đổi Điều lệ Công ty;
- ❖ Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới được phát hành đối với mỗi loại cổ phần và việc chuyển nhượng cổ phần của thành viên sáng lập trong vòng ba năm đầu tiên kể từ ngày thành lập;
- ❖ Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty;
- ❖ Tổ chức lại và giải thể (gọi chung là thanh lý) Công ty và chỉ định người thanh lý;
- ❖ Kiểm tra và xử lý các vi phạm của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và các Cổ đông của Công ty;
- ❖ Quyết định giao dịch bán tài sản Công ty hoặc chi nhánh hoặc giao dịch mua có giá trị từ 20% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty và các chi nhánh của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất được kiểm toán;
- ❖ Công ty mua lại hơn 10 % một loại cổ phần phát hành;
- ❖ Việc Tổng Giám đốc đồng thời làm Chủ tịch Hội đồng quản trị;
- ❖ Công ty hoặc các chi nhánh của Công ty ký kết hợp đồng với những người được quy định tại Khoản 1 Điều 162 Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 10% tổng giá trị tài sản của Công ty và các chi nhánh của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất được kiểm toán;
- ❖ Các vấn đề khác theo qui định của Điều lệ và các qui chế khác của Công ty.

6.2. Hội đồng quản trị

- a. Hoạt động sản xuất kinh doanh và các công việc khác của Công ty phải chịu sự giám sát và chỉ đạo của Hội đồng quản trị Công ty. Hội đồng quản trị là cơ quan có đầy đủ quyền hạn để thực hiện tất cả các quyền nhân danh Công ty trừ những thẩm quyền thuộc về Đại hội đồng Cổ đông Công ty.
- b. Hội đồng quản trị có trách nhiệm giám sát Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý khác trong

điều hành sản xuất kinh doanh và các hoạt động khác phù hợp với ngành nghề qui định tại Giấy đăng ký doanh nghiệp.

- c. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp và Điều lệ Công ty và quyết định của Đại hội đồng Cổ đông qui định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nhiệm vụ sau:
- ❖ Quyết định kế hoạch phát triển 05 năm trên cơ sở mục tiêu chiến lược đã được Đại hội đồng Cổ đông thông qua và kế hoạch sản xuất kinh doanh, kế hoạch ngân sách hàng năm của Công ty;
 - ❖ Xác định các mục tiêu hoạt động trên cơ sở các mục tiêu chiến lược được Đại hội đồng Cổ đông thông qua;
 - ❖ Bổ nhiệm, bãi nhiệm, miễn nhiệm, cách chức, khen thưởng, kỷ luật và ký hợp đồng hoặc chấm dứt hợp đồng lao động đối với các cán bộ quản lý của Công ty theo đề nghị của Tổng Giám đốc và quyết định mức lương, các lợi ích khác của họ. Hội đồng quản trị là cấp ban hành các quyết định có liên quan đến cán bộ quản lý Công ty; quyết định cử người đại diện theo ủy quyền thực hiện quyền sở hữu số cổ phần hoặc số vốn góp của Công ty tại doanh nghiệp khác và quyết định mức thù lao, lợi ích khác của những người đó;
 - ❖ Quyết định cơ cấu tổ chức của Công ty, các qui chế, qui định quản lý nội bộ Công ty, các qui chế, qui định quản lý nội bộ Công ty; quyết định thành lập các phòng chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị đó; quyết định việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác thuộc phạm vi thẩm quyền của Hội đồng quản trị;
 - ❖ Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật; quyết định giải pháp thị trường, tiếp thị, công nghệ; thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và các hợp đồng khác có giá trị nhỏ hơn 20% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty, trừ các hợp đồng, giao dịch có liên quan nêu tại Điều 42 của Điều lệ;
 - ❖ Giải quyết các khiếu nại của Công ty đối với cán bộ quản lý cũng như quyết định lựa chọn đại diện của Công ty để giải quyết các vấn đề liên quan tới các thủ tục pháp lý đối với cán bộ quản lý đó;
 - ❖ Thành viên Hội đồng quản trị có quyền yêu cầu cán bộ quản lý của Công ty cung cấp các thông tin, hồ sơ, tài liệu về sản xuất kinh doanh, tài chính mua sắm và sử dụng vật tư, hàng hóa, nhiên liệu;
 - ❖ Đề xuất các loại cổ phiếu có thể phát hành và tổng số cổ phiếu phát hành theo từng loại;
 - ❖ Đề xuất việc phát hành trái phiếu chuyển đổi và các chứng quyền cho phép người sở hữu mua cổ phiếu theo mức giá định trước;
 - ❖ Quyết định giá chào bán trái phiếu, cổ phiếu và các chứng khoán chuyển đổi trong trường hợp được Đại hội đồng Cổ đông ủy quyền;
 - ❖ Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm Tổng Giám đốc, cán bộ quản lý khác, người đại diện của Công ty. Việc bãi nhiệm nêu trên không được trái với các quyền theo hợp đồng của những người bị bãi nhiệm (nếu có);
 - ❖ Báo cáo Đại hội đồng Cổ đông việc Hội đồng quản trị bổ nhiệm Tổng Giám đốc Công ty ;
 - ❖ Trình Đại hội đồng Cổ đông Công ty Báo cáo tài chính hàng năm ;
 - ❖ Đề xuất mức cổ tức hàng năm và xác định mức cổ tức tạm ứng, tổ chức việc chi trả cổ tức;

- ❖ Đề xuất việc tổ chức lại hoặc giải thể Công ty;
- ❖ Giám sát và chỉ đạo các cán bộ quản lý của Công ty trong việc điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh hàng ngày;
- d.** Những vấn đề sau đây phải được Hội đồng quản trị phê chuẩn:
 - ❖ Thành lập chi nhánh hoặc các văn phòng đại diện của Công ty;
 - ❖ Thành lập các chức năng, phân xưởng sản xuất, Công ty con của Công ty;
 - ❖ Chức năng, nhiệm vụ các phòng chức năng, ban quản lý dự án, chi nhánh, văn phòng đại diện, phân xưởng;
 - ❖ Trong phạm vi quy định tại Khoản 2 Điều 149 Luật Doanh nghiệp và trừ trường hợp quy định tại Khoản 3 Điều 162 Luật Doanh nghiệp phải do Đại hội đồng Cổ đông phê chuẩn, Hội đồng quản trị tùy từng thời điểm quyết định việc thực hiện, sửa đổi và hủy bỏ các hợp đồng lớn của Công ty (bao gồm hợp đồng mua, bán, sáp nhập, thầu tóm Công ty và liên doanh);
 - ❖ Chỉ định và bãi nhiệm những người được Công ty ủy nhiệm là đại diện thương mại và Luật sư của Công ty;
 - ❖ Việc vay nợ và thực hiện các khoản thế chấp, bảo đảm, bảo lãnh và bồi thường của Công ty;
 - ❖ Các khoản đầu tư không thuộc kế hoạch kinh doanh và ngân sách vượt quá 10 tỷ đồng Việt Nam hoặc các khoản đầu tư vượt quá 10% giá trị kế hoạch và ngân sách kinh doanh hàng năm;
 - ❖ Việc mua hoặc bán cổ phần, phần vốn góp tại các Công ty khác được thành lập ở Việt Nam hay nước ngoài;
 - ❖ Việc định giá các tài sản góp vào Công ty không phải bằng tiền liên quan đến việc phát hành cổ phiếu hoặc trái phiếu của Công ty, bao gồm vàng, quyền sử dụng đất, quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ và bí quyết công nghệ...;
 - ❖ Việc Công ty mua hoặc thu hồi không quá 10 % mỗi loại cổ phần;
 - ❖ Quyết định mức giá mua hoặc thu hồi cổ phần của Công ty;
 - ❖ Các vấn đề kinh doanh hoặc giao dịch mà Hội đồng quản trị quyết định cần phải có sự chấp thuận trong phạm vi quyền hạn và trách nhiệm của mình.
- e.** Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng Cổ đông về hoạt động của mình, cụ thể là về việc giám sát của Hội đồng quản trị đối với Tổng giám đốc và những cán bộ quản lý khác trong năm tài chính. Trường hợp Hội đồng quản trị không trình báo cho Đại hội đồng Cổ đông, báo cáo tài chính năm của Công ty bị coi là không có giá trị và chưa được Hội đồng quản trị thông qua.
- f.** Trừ khi luật pháp và Điều lệ quy định khác, Hội đồng quản trị có thể ủy quyền cho nhân viên cấp dưới và các cán bộ quản lý đại diện xử lý công việc thay mặt cho Công ty.
- g.** Thành viên Hội đồng quản trị (không tính các đại diện được ủy quyền thay thế) được nhận thù lao cho công việc của mình dưới tư cách là thành viên Hội đồng quản trị. Khoản thù lao này được cho các thành viên Hội đồng quản trị thỏa thuận trong Hội đồng quản trị hoặc chia đều trong trường hợp không thỏa thuận được.

- h. Tổng số tiền trả cho từng thành viên Hội đồng quản trị bao gồm thù lao, chi phí, hoa hồng, quyền mua cổ phần và các lợi ích khác được hưởng từ Công ty, Công ty con, Công ty liên kết của Công ty và các Công ty khác mà thành viên Hội đồng quản trị là đại diện phần vốn góp phải được công bố chi tiết trong báo cáo thường niên của Công ty.
- i. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công việc khác mà theo Hội đồng quản trị là nằm ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm tiền thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị;
- j. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị..

6.3. Ban kiểm soát

Số lượng thành viên Ban kiểm soát của Công ty là 05 (năm) thành viên. Các thành viên Ban kiểm soát không phải là người trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty và không phải là thành viên hay nhân viên của Công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện hoặc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty. Các Kiểm soát viên không phải là người có liên quan với các thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và các cán bộ quản lý khác của Công ty. Trưởng Ban kiểm soát phải là kế toán viên hoặc kiểm toán viên chuyên nghiệp và phải làm việc chuyên trách tại Công ty. Ban kiểm soát có quyền hạn và trách nhiệm chủ yếu sau đây:

- ❖ Giám sát việc quản lý, điều hành của Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc Công ty;
- ❖ Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, trung thực trong quản lý, điều hành hoạt động đầu tư, sản xuất kinh doanh và trong việc tổ chức công tác kế toán, thống kê, lập báo cáo tài chính;
- ❖ Thẩm định báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh, tài chính hàng năm của Công ty và báo cáo quản lý của Hội đồng quản trị để thống nhất với Hội đồng quản trị trình Đại hội đồng Cổ đông;
- ❖ Đề xuất lựa chọn Công ty kiểm toán độc lập, mức phí kiểm toán và mọi vấn đề có liên quan;
- ❖ Thảo luận với kiểm toán viên độc lập về tính chất và phạm vi kiểm toán trước khi bắt đầu việc kiểm toán;
- ❖ Xin ý kiến tư vấn chuyên nghiệp độc lập hoặc tư vấn về pháp lý và đảm bảo sự tham gia của những chuyên gia bên ngoài Công ty với kinh nghiệm trình độ chuyên môn phù hợp vào công việc của Công ty nếu thấy cần thiết;
- ❖ Kiểm tra các báo cáo tài chính năm, sáu tháng và quý;
- ❖ Thảo luận về những vấn đề khó khăn và tồn tại phát hiện từ các kết quả kiểm toán giữa kỳ cũng như mọi vấn đề mà kiểm toán viên độc lập muốn bàn bạc;
- ❖ Xem xét thư quản lý của kiểm toán viên độc lập và ý kiến phản hồi của ban quản lý Công ty;
- ❖ Xem xét báo cáo của Công ty về các hệ thống kiểm soát nội bộ trước khi Hội đồng quản trị chấp thuận;
- ❖ Xem xét những kết quả điều tra nội bộ và ý kiến phản hồi của ban quản lý Công ty;
- ❖ Xem xét sổ kế toán và các tài liệu khác của Công ty, các công việc quản lý, điều hành hoạt

động của Công ty bất cứ khi nào nếu xét thấy cần thiết hoặc theo quyết định của Đại hội đồng Cổ đông hoặc theo yêu cầu của Cổ đông, nhóm Cổ đông sở hữu liên tục trong 06 (sáu) tháng trên 10% cổ phần phổ thông;

- ❖ Khi có yêu cầu của Cổ đông, nhóm Cổ đông sở hữu liên tục trong 06 (sáu) tháng trên 10% tổng số cổ phần phổ thông, trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được yêu cầu, Ban kiểm soát phải thực hiện kiểm tra từng vấn đề mà Cổ đông này yêu cầu kiểm tra, ban kiểm soát phải báo cáo giải trình bằng văn bản về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra cho Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông yêu cầu;

Việc kiểm tra của Ban kiểm soát không được cản trở hoạt động bình thường của Hội đồng quản trị, không được gây gián đoạn điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty;

- ❖ Kiến nghị với Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng Cổ đông các biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, điều hành sản xuất kinh doanh của Công ty;
- ❖ Thường xuyên thông báo với Hội đồng quản trị về kết quả hoạt động và báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội đồng Cổ đông;
- ❖ Không được tiết lộ bí mật của Công ty;
- ❖ Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo qui định của pháp luật và Điều lệ của Công ty.

6.4. Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc đứng đầu Ban giám đốc Công ty, là người điều hành các hoạt động hàng ngày của Công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị Công ty. Tổng Giám đốc có những quyền hạn và trách nhiệm sau:

- ❖ Thực hiện các nghị quyết của Hội đồng quản trị và Đại hội đồng Cổ đông, kế hoạch kinh doanh và các kế hoạch đầu tư của Công ty đã được Hội đồng quản trị và Đại hội đồng Cổ đông thông qua;
- ❖ Quyết định tất cả các vấn đề không cần phải có nghị quyết của Hội đồng quản trị, bao gồm việc thay mặt Công ty ký kết các hợp đồng tài chính và thương mại, tổ chức và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh thường nhật của Công ty theo những thông lệ quản lý tốt nhất;
- ❖ Kiến nghị số lượng và các loại cán bộ quản lý mà Công ty cần tuyển dụng để Hội đồng quản trị bổ nhiệm hoặc miễn nhiệm nhằm thực hiện các hoạt động quản lý tốt theo đề xuất của Hội đồng quản trị, và tư vấn để Hội đồng quản trị quyết định mức lương, thù lao, các lợi ích và các điều khoản khác của hợp đồng lao động của cán bộ quản lý;
- ❖ Ký hợp đồng lao động với người lao động của Công ty. Tuân thủ các qui định của pháp luật về lao động, tiền lương trong sử dụng lao động cần tuyển, mức lương, trợ cấp, lợi ích, việc bổ nhiệm, miễn nhiệm và các điều khoản khác liên quan đến hợp đồng lao động của họ;
- ❖ Vào tháng 11 hàng năm, Tổng Giám đốc phải trình Hội đồng quản trị phê chuẩn kế hoạch kinh doanh chi tiết cho năm tài chính tiếp theo trên cơ sở đáp ứng các yêu cầu của ngân sách phù hợp cũng như kế hoạch tài chính 05 (năm) năm;
- ❖ Phân cấp, ủy quyền cho các Phó Tổng Giám đốc quyết định một số vấn đề, công việc thuộc phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, và trách nhiệm của Tổng Giám đốc;
- ❖ Đề xuất những biện pháp, phương thức nâng cao hoạt động và quản lý của Công ty;
- ❖ Chuẩn bị các bản dự toán dài hạn, hàng năm và hàng quý của Công ty (sau đây gọi là bản dự toán) phục vụ hoạt động quản lý dài hạn, hàng năm và hàng quý của Công ty theo kế hoạch

kinh doanh. Bản dự toán hàng năm (bao gồm cả bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ dự kiến) cho từng năm tài chính phải được trình để Hội đồng quản trị thông qua và phải bao gồm những thông tin quy định tại các quy chế của Công ty;

- ❖ Thực hiện tất cả các hoạt động khác theo qui định của Điều lệ này và các quy chế của Công ty, các nghị quyết của Hội đồng quản trị, hợp đồng lao động của Tổng Giám đốc và pháp luật;
- ❖ Các quyền hạn, nghĩa vụ và trách nhiệm khác theo qui định của pháp luật có liên quan.

6.5. Các khối, trung tâm chính

a. Phòng Tài chính Kế toán

Tham mưu giúp Hội đồng quản trị và Tổng giám đốc Công tác quản lý, chỉ đạo và điều hành công tác kinh tế tài chính và hạch toán kế toán của Công ty.

b. Văn phòng Công ty

Tham mưu giúp Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc Công ty quản lý, chỉ đạo, điều hành công tác hành chính, văn thư, lưu trữ và quản trị, tổ chức công tác lễ tân, khánh tiết, hội họp, hội nghị, đảm bảo cơ sở vật chất, trang thiết bị, phương tiện làm việc cho cán bộ, phục vụ bữa ăn ca công nghiệp, bồi dưỡng độc hại, quản lý và khai thác khu nhà điều hành và các công trình phúc lợi công cộng tại khu quản lý vận hành sửa chữa của Công ty.

c. Phòng Tổ chức nhân sự

Tham mưu giúp Hội đồng quản trị và Tổng giám đốc Công ty quản lý, điều hành các lĩnh vực công tác: Tổ chức, tuyển dụng, quản lý nhân sự, tiền lương, đào tạo và phát triển nguồn nhân lực, Thi đua – Khen thưởng, Kỷ luật, Bảo hiểm xã hội và các chế độ chính sách, bảo hộ lao động, Định mức – Định biên lao động, công tác bảo vệ, cứu hỏa, an ninh trật tự và công tác Thanh tra – Pháp chế.

d. Phòng Kế hoạch vật tư

Tham mưu giúp Hội đồng quản trị và Tổng giám đốc xây dựng và thực hiện công tác kế hoạch trong các lĩnh vực: Đầu tư xây dựng cơ bản, sản xuất kinh doanh, thị trường điện và mua bán, cấp phát vật tư thiết bị, nhiên liệu, nguyên vật liệu, và một số công tác khác theo phân công cụ thể của Tổng giám đốc.

e. Phòng Kỹ thuật an toàn

Tham mưu giúp Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc xây dựng và thực hiện công tác kế hoạch trong các lĩnh vực: Đầu tư xây dựng cơ bản, sản xuất kinh doanh, thị trường điện và mua bán, cấp phát vật tư thiết bị, nhiên liệu, nguyên vật liệu và một số công tác khác theo phân công cụ thể của Tổng Giám đốc.

f. Phân xưởng Sửa chữa cơ nhiệt

Tham mưu giúp Tổng Giám đốc trong các lĩnh vực quản lý theo dõi thông số kỹ thuật trong quá trình lắp đặt và sửa chữa các thiết bị cơ nhiệt, duy tu, bảo dưỡng sửa chữa thường xuyên các thiết bị cơ nhiệt và xây dựng, lập kế hoạch sửa chữa, thời gian sửa chữa, giải pháp kỹ thuật trong quá trình sửa chữa, nghiệm thu chế tạo, phục hồi các chi tiết, phụ tùng, cấu kiện..., mua sắm vật tư thiết bị, phục vụ duy tu, bảo dưỡng, sửa chữa thường xuyên.

g. Phân xưởng Lò máy

Tham mưu giúp Tổng Giám đốc trong việc quản lý, vận hành các thiết bị: Lò hơi và các thiết bị phụ của

lò (kể cả lò phụ khởi động), Tua bin và các thiết bị phụ của tua bin, các hệ thống thiết bị phụ trợ: Trạm bơm tuần hoàn, các đường ống tuần hoàn, kênh dẫn nước tuần hoàn vào, ra, trạm bơm thải xỉ và các đường ống thải xỉ, trạm bơm nước ngược và đường ống nước lắng trong, trạm bơm dầu FO, hệ thống điều hòa khí nén, phối hợp thực hiện thí nghiệm, hiệu chỉnh xây dựng chế độ vận hành tối ưu cho các thiết bị nhiệt.

h. Phân xưởng Điện – Tự động

Tham mưu giúp Tổng Giám đốc chỉ đạo, điều hành công tác vận hành, sửa chữa toàn bộ các hệ thống thiết bị điện và tự động điều khiển trong dây chuyền sản xuất điện của Công ty cổ phần Nhiệt điện Quảng Ninh.

i. Phân xưởng Hóa

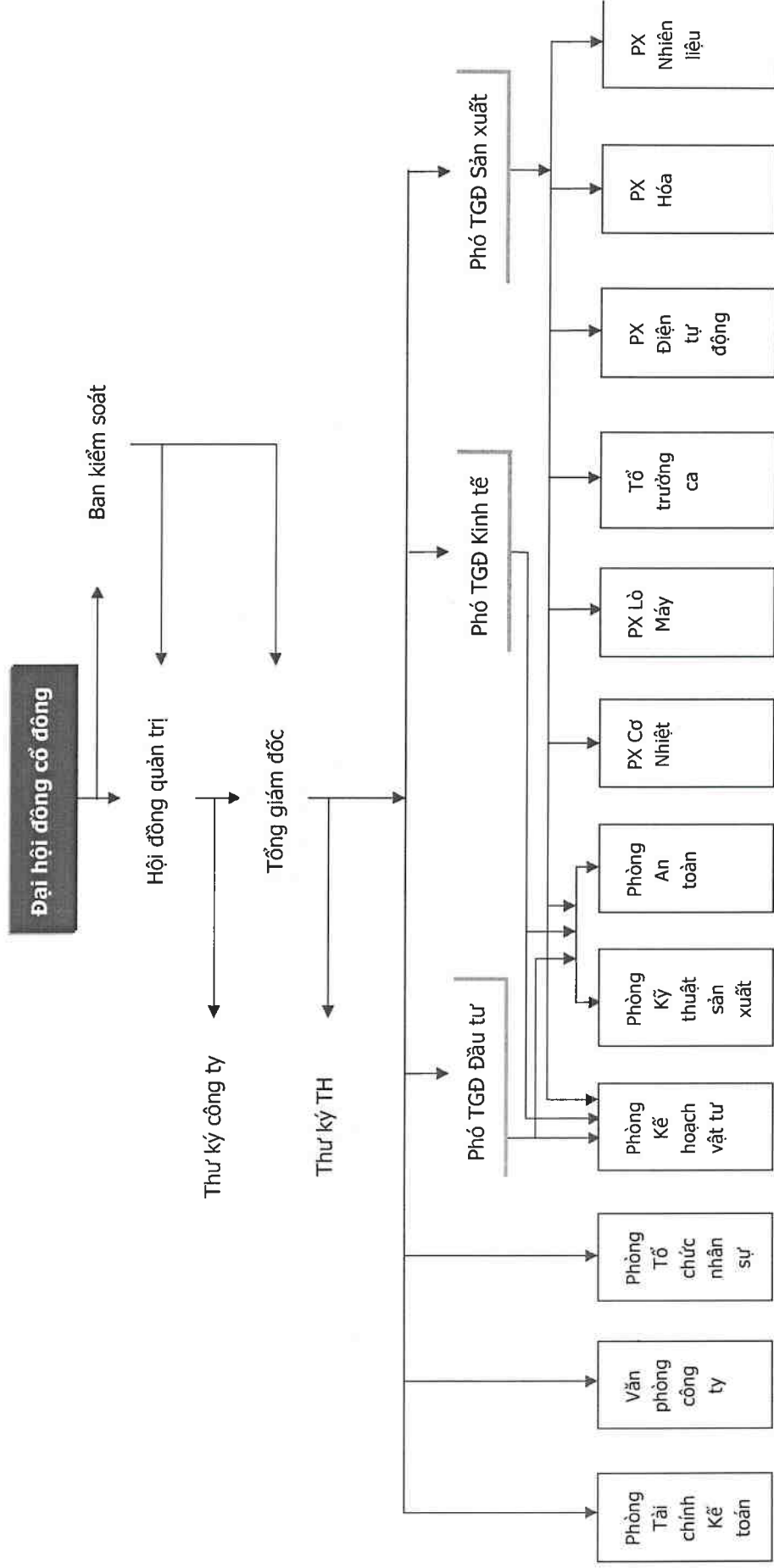
Tham mưu giúp Tổng Giám đốc Công ty trong công tác quản lý kỹ thuật các hệ thống thiết bị công nghệ, hệ thống nước khử khoáng chuẩn bị nước cho lò hơi, hệ thống xử lý nước lò hơi, các hệ thống xử lý nước thải, thí nghiệm hóa, các hạng mục công trình của dây chuyền công nghệ xử lý hóa và chỉ đạo, điều hành các chức danh vận hành hóa đảm bảo cho công tác vận hành sử dụng máy móc thiết bị một cách hiệu quả, an toàn và kinh tế.

j. Phân xưởng Nhiên liệu

Tham mưu giúp Tổng Giám đốc trong các lĩnh vực vận hành sản xuất điện: Quản lý theo dõi thông số kỹ thuật trong quá trình vận hành các thiết bị nhiên liệu, theo dõi duy tu, bảo dưỡng, sửa chữa thường xuyên, nghiên cứu cải tiến kỹ thuật công nghệ dây chuyền sản xuất điện, hiệu chỉnh xây dựng chế độ vận hành tối ưu cho các thiết bị nhiên liệu, mua sắm vật tư, thiết bị phục vụ duy tu, bảo dưỡng, sửa chữa thường xuyên.

7. SƠ ĐỒ TỔ CHỨC CỦA CÔNG TY

Hình 4: Sơ đồ tổ chức Công ty



Nguồn: CTCP Nhiệt điện Quảng Ninh

8. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG KINH DOANH CỦA CÔNG TY

8.1. Tình hình hoạt động kinh doanh

Được thành lập từ năm 2002, Công ty Cổ phần Nhiệt điện Quảng Ninh là một trong những doanh nghiệp tiên phong trong việc quản lý các dự án sản xuất nhiệt điện. Sau hơn 10 năm đầu tư xây dựng, Công ty đã chính thức vận hành 4 tổ máy thuộc dự án Nhiệt điện Quảng Ninh 1 và Nhiệt điện Quảng Ninh 2. Theo đó, Công ty đã và đang trở thành một trong số những đơn vị sản xuất và cung cấp điện năng có công suất lớn nhất cả nước (4 tổ máy x 300MW/tổ máy), ước tính cung cấp cho hệ thống điện quốc gia sản lượng điện bình quân 7,2 tỷ kWh/năm. Riêng năm 2015, sản lượng điện sản xuất của Công ty đạt 6,23 tỷ kWh, sản lượng điện thương phẩm đạt 5,69 tỷ kWh.

Công ty còn tham gia vào một số lĩnh vực khác như: (i) bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng; (ii) sản xuất bê tông, vôi và thạch cao; (iii) xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác.

Bên cạnh đó, Công ty còn chế biến và kinh doanh tro xỉ than là sản phẩm của quá trình sản xuất điện. Tuy nhiên, sản lượng và doanh thu từ sản phẩm này không đáng kể.

Điều đặc biệt, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty luôn đi kèm với hoạt động bảo vệ môi trường khi ý thức được các dự án nhiệt điện sẽ gây ra một số tác động tiêu cực đối với môi trường sinh thái, đó là vấn đề ô nhiễm không khí, nguồn nước do bị than, tro xỉ, khói than, tiếng ồn,... Vì vậy, ngay từ giai đoạn lập Dự án, chủ đầu tư là CTCP Nhiệt điện Quảng Ninh đã chú trọng đến việc giảm thiểu những tác động tiêu cực đó.

Như vậy, đến nay, doanh thu hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty Cổ phần Nhiệt điện Quảng Ninh chủ yếu đến từ hoạt động chính là sản xuất và phân phối điện. Tuy nhiên, đây là lĩnh vực kinh doanh có sự cạnh tranh ngày càng gay gắt, trong khi đó chi phí hoạt động cao là một thách thức không nhỏ với CTCP Nhiệt điện Quảng Ninh, trong việc duy trì lợi nhuận dương qua các năm.

Bảng 3: Tóm tắt tình hình doanh thu – lợi nhuận qua các năm

Đơn vị: Tỷ đồng

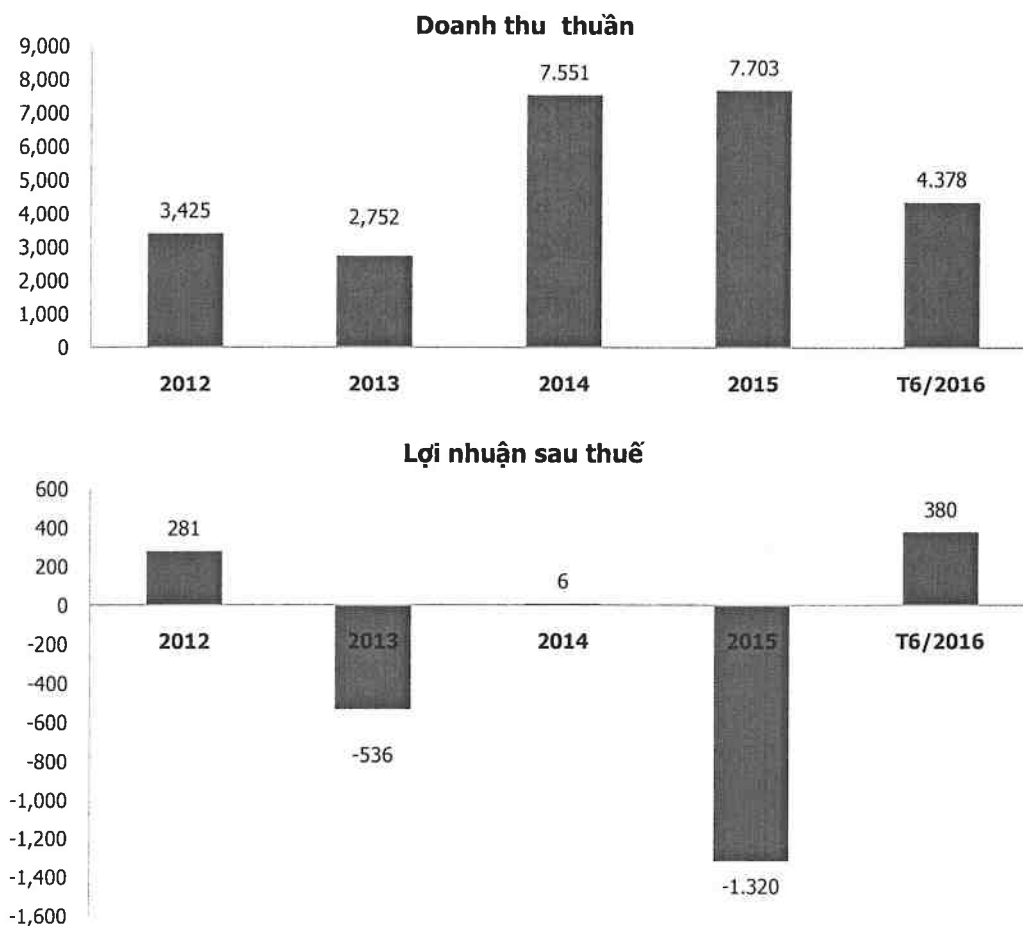
Khoản mục	2013		2014		2015		6T/2016	
	Giá trị	%DTT	Giá trị	%DTT	Giá trị	%DTT	Giá trị	%DTT
DT	2.752	100%	7.551	100%	7.703	100%	4.378	100%
DT bán điện – Điện KD	2.551	92,7%	7.551	100%	7.700	99,97%	4.374	99,9%
DT nội bộ	201	7,3%	-	-	-	-	-	-
Doanh thu bán hàng hóa	-	-	-	-	3	0,03%	4	0,1%
DT thuần	2.752	100%	7.551	100%	7.703	100%	4.378	100%
GV hàng bán	2.671	97,06%	6.427	85,11%	6.660	86%	3.655	83,48 %
Lợi nhuận sau thuế	(536)	-	6,559	0,09%	(1.320)	-	377,9	8,63 %

Nguồn: CTCP Nhiệt điện Quảng Ninh

8.2. Tình hình doanh thu – lợi nhuận

Hình 5: Tình hình doanh thu – lợi nhuận của Công ty

Đơn vị: Tỷ đồng

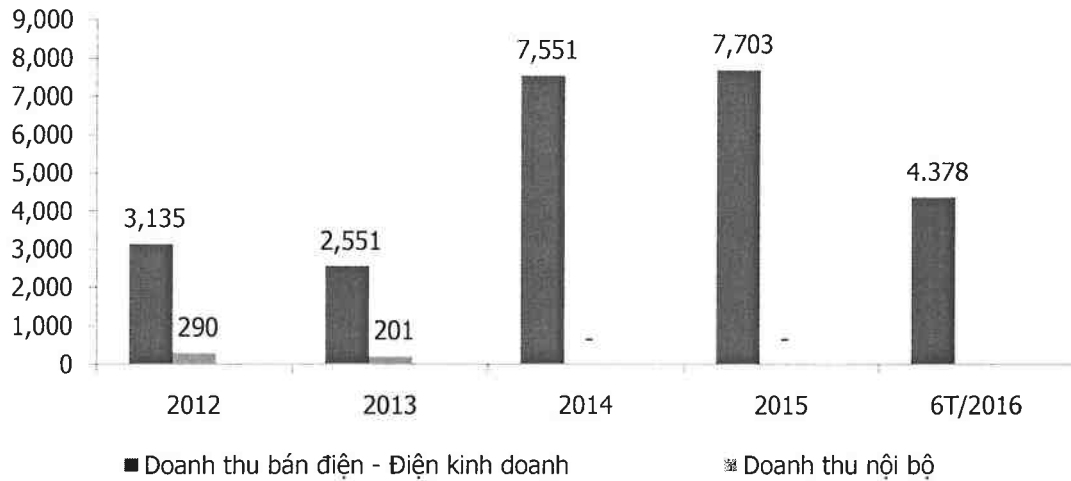


Nguồn: CTCP Nhiệt điện Quảng Ninh

Trong những năm vừa qua, mặc dù doanh thu thuần của Công ty có xu hướng cải thiện, nhưng lợi nhuận sau thuế lại khá bất ổn. Năm 2015 là năm tài chính khó khăn nhất với Công ty khi Công ty chưa lường trước được một số yếu tố tác động tiêu cực đến hoạt động sản xuất kinh doanh như chi phí phát sinh từ khoản tiền thuê đất giai đoạn 2007-2014 phải nộp ngân sách Nhà nước (khoản tiền này đã được Tập đoàn Điện lực Việt Nam đồng ý thanh toán và ghi nhận vào doanh thu năm 2016), hay chi phí khấu hao tài sản cố định do Công ty tăng tài sản quyết toán dự án (sự gia tăng này phát sinh chủ yếu do vấn đề tỷ giá, bên cạnh việc phải phân bổ một phần số lỗ tỷ giá phát sinh trong năm thì Công ty phải tiến hành phân bổ 1.260 tỷ đồng lỗ chênh lệch tỷ giá của giai đoạn đầu tư từ năm 2011). Tuy nhiên, trong 6 tháng đầu năm 2016, doanh thu thuần và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối đã có sự thay đổi nhanh chóng. Cụ thể, doanh thu đạt 4.378 tỷ đồng đạt hơn 51% so với kế hoạch sản xuất kinh doanh ban lãnh đạo Công ty đề ra năm 2016. Ngoài ra, lợi nhuận sau thuế chưa phân phối đã đạt hơn 377 tỷ đồng so với 319,89 tỷ đồng theo kế hoạch sản xuất kinh doanh 2016 trình Đại hội đồng cổ đông.

8.3. Cơ cấu doanh thu

Hình 6: Biến động doanh thu giai đoạn 2012 – 6T/2016



Nguồn: CTCP Nhiệt điện Quảng Ninh

Cơ cấu doanh thu của Công ty những năm gần đây gồm hai phần chính là (i) doanh thu bán điện và (ii) doanh thu nội bộ, trong đó, doanh thu bán điện chiếm tỷ trọng chính.

Doanh thu từ hoạt động bán điện kinh doanh đang từng bước được cải thiện, từ năm 2012 đến nay, khi các tổ máy của dự án Nhiệt điện Quảng Ninh 1 và Nhiệt điện Quảng Ninh 2 chính thức tham gia thị trường phát điện cạnh tranh. Ngoài doanh thu bán điện năm 2013 có sự giảm sút, chỉ đạt 2.251 tỷ đồng, so với 3.135 tỷ đồng năm 2012, với nguyên nhân chính là do 2 Tổ máy TM1 và TM2 của Dự án Quảng Ninh 1 có thời gian bảo dưỡng và sửa chữa kéo dài hơn so với dự kiến khiến hoạt động sản xuất kinh doanh bị trì trệ. Bắt đầu từ năm 2014, doanh thu của Công ty có sự tăng vọt đạt tới 7.551 tỷ đồng khi cả 4 Tổ máy của Công ty đi vào vận hành thương mại, song song với chính sách tiết kiệm tối đa chi phí, khắc phục nhanh sự cố để tập trung phát điện với công suất cao, đặc biệt trong mùa khô. Tính đến 2015, doanh thu của Công ty đã ổn định đạt hơn 7.703 tỷ đồng, do các Tổ máy vận hành tương đối ổn định, đảm bảo phương thức điều độ hệ thống điện quốc gia, các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật đều đảm bảo đạt và thấp hơn so với kế hoạch.

Đến năm 2016, doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa được chuyển giao cho người mua. Tỷ trọng doanh thu này tuy nhỏ nhưng phần nào phản ánh được việc nhận thức và quản trị rủi ro trong hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp ngày càng chặt chẽ.

Đối với phần doanh thu nội bộ, riêng hai năm 2012 và 2013, doanh thu nội bộ được đưa vào trong cấu thành doanh thu của Công ty. Công ty sử dụng sản lượng điện do chính nhà máy sản xuất để phục vụ hoạt động của các tổ máy phát điện. Sản lượng điện này chưa được phát lên lưới điện truyền tải. Từ năm 2014 đến nay, do sự thay đổi của quy định về chế độ hạch toán kế toán Công ty không còn được ghi nhận sản lượng điện sử dụng nội bộ nêu trên vào doanh thu nội bộ.

8.4. Chi phí hoạt động

Bảng 4: Chi phí hoạt động qua các năm

Đơn vị: Tỷ đồng

TT	Chi phí	2013		2014		2015		6T/2016	
		Giá trị	%DTT	Giá trị	%DTT	Giá trị	%DTT	Giá trị	%DTT
1	GV hàng bán	2.671	97,06%	6.427	85,11%	6.660	86,46%	3.655	83,48%

TT	Chi phí	2013		2014		2015		6T/2016	
		Giá trị	%DTT	Giá trị	%DTT	Giá trị	%DTT	Giá trị	%DTT
2	CP QLDN	39	1,42%	48	0,64%	101	1,31%	23	0,52%
3	CP tài chính	644	23,40%	1.147	15,19%	2.370	30,77%	393	8,97%
CP hoạt động		3.354	121,8%	8.746	100,94%	9.131	118,54%	4.071	92,97%

Nguồn: BCTCKT năm 2012, 2013, 2014 và 2015 của CTCP Nhiệt điện Quảng Ninh

Chi phí hoạt động của Công ty của Công ty bao gồm giá vốn hàng bán (chi phí nhiên liệu, khấu hao, sửa chữa, chi phí khác...), chi phí quản lý doanh nghiệp, và chi phí tài chính khá cao. Tỷ trọng chi phí hoạt động trên doanh thu luôn ở mức cao từ khoảng 92% đến trên 100% trong những năm hoạt động vừa qua.

Chi phí giá vốn: Chi phí giá vốn trong những năm qua của Công ty có xu hướng giảm với nỗ lực kiểm soát quanh mức 85% doanh thu trong khi doanh thu thuần của Công ty có xu hướng cải thiện rõ rệt. Điều này cho thấy, công tác quản lý giá vốn hàng bán ở CTCP Nhiệt điện Quảng Ninh luôn được duy trì một cách có hiệu quả.

Chi phí quản lý doanh nghiệp: Trong những năm vừa qua, Công ty đã có những nỗ lực giảm thiểu chi phí quản lý doanh nghiệp của mình. Năm 2015, chi phí quản lý doanh nghiệp của Công ty tăng đột biến lên đến 101 tỷ đồng so với cả năm 2014 chỉ là 48 tỷ đồng. Nguyên nhân chủ yếu là trong năm này, Công ty đã phải chi trả tiền sử dụng đất trong giai đoạn 2007-2014 một khoản gần 40 tỷ đồng. Trong 6 tháng đầu năm 2016, chi phí này đạt mức 0,52% trên tổng doanh thu.

Chi phí tài chính: Chi phí tài chính có xu hướng bất ổn định do rủi ro về tỷ giá tăng cao, trong khi đó các khoản nợ vay của Công ty có sự gia tăng đáng kể. Năm 2014, chi phí nợ vay tăng mạnh là do chi phí lãi vay của Nhiệt điện Quảng Ninh 2 không còn được vốn hóa mà ghi nhận trực tiếp vào khoản mục chi phí lãi vay. Năm 2015, lỗ chênh lệch tỷ giá chiếm 62% trong chi phí tài chính của Công ty và đã tăng hơn 1.200 tỷ tổng so với năm 2014. Lý do đến từ việc, trong năm tài chính này, Công ty ghi nhận khoản lỗ chênh lệch tỷ giá chưa phân bổ trong thời gian xây dựng là 1.260 tỷ đồng và NHNN điều chỉnh tỷ giá tăng 3%, đã dẫn đến chi phí tài chính của Công ty trên tổng doanh thu cũng tăng mạnh trong năm 2015. Tính đến hết 6 tháng đầu năm 2016 gần đây, chi phí tài chính chiếm 8,97% trên tổng doanh thu.

8.5. Nguyên vật liệu

Nguyên vật liệu chính sử dụng trong sản xuất điện là than đốt với khối lượng tiêu thụ hàng năm là 3,4 triệu tấn (nếu 2 dự án đi vào hoạt động hết công suất). Toàn bộ nguồn nguyên liệu này đang được sử dụng tại mỏ Hòn Gai (Quảng Ninh) mua từ Tập đoàn Công nghiệp Than Khoáng sản Việt Nam. Bên cạnh đó, dự án của Công ty được đặt ở vị trí thuận lợi (tại khu vực có trữ lượng than lớn nhất cả nước) do đó các chi phí vận chuyển được giảm thiểu và tính ổn định của nguồn cung khá đảm bảo. Một số nguyên liệu khác được sử dụng là nước đã khử khoáng và một số vật tư tiêu hao: FO, DO, Hygen (chất tẩy oxy) và xút, axit.

8.6. Đối tác và sản phẩm đầu vào

Công ty có các đối tác đầu vào chiến lược bao gồm Tập đoàn Công nghiệp Than Khoáng sản Việt Nam và Công ty đầu tư và thương mại (TCT than Đông Bắc). Ngoài ra người mua sản phẩm đầu ra là các bên liên quan như Tập đoàn điện lực Việt Nam, Công ty Truyền tải Điện 1.

8.7. Công Nghệ

Là một doanh nghiệp trong lĩnh vực sản xuất và phân phối điện, CTCP Nhiệt điện Quảng Ninh rất cần có sự đầu tư nhiều mặt công nghệ kỹ thuật để đảm bảo sản lượng cũng như chất lượng sản phẩm dịch vụ mà Công ty hiện đang sản xuất và phân phối. CTCP Nhiệt điện Quảng Ninh hiện đã đưa cả 4 tổ máy của 2 nhà máy Nhiệt điện Quảng Ninh 1 và 2 đi vào sử dụng. Nhà máy của Công ty hiện đang

được đầu tư theo công nghệ Trung Quốc do nhà thầu Tập đoàn Điện khí Thượng Hải thực hiện với mô hình lò hơi kiểu than phun, công suất hơi là 948 tấn/h.

a. Nhà máy Nhiệt điện Quảng Ninh 1

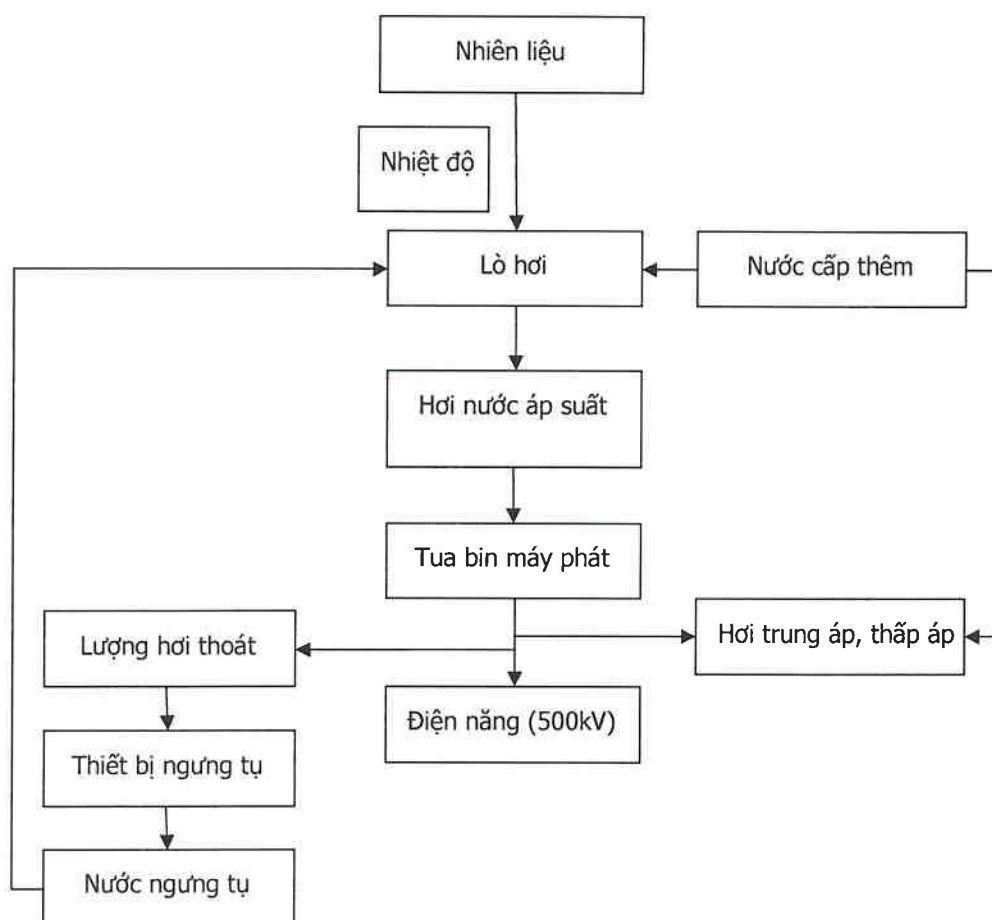
- ❖ Loại nhà máy: Nhiệt điện đốt than theo công nghệ đốt than bột tiên tiến, hiện đại đáp ứng tiêu chuẩn môi trường
- ❖ Công suất của nhà máy: 600 MW gồm 2 tổ máy 1 và 2 công suất 300 MW, có tính đến việc đầu tư một số công trình dùng chung cho quy mô công suất 1.200 MW.
- ❖ Công nghệ: Công nghệ lò than phun (PC) áp dụng phương pháp đốt giảm thiểu NO_x , khử bụi tĩnh điện (ESP), khử SO_x (FGD), cấu hình Nhà máy theo sơ đồ khối gồm 2x (1 lò + 1 tua bin + 1 máy phát).
- ❖ Nhiên liệu sử dụng: than cám 6 A1HG, cám 5 A1HG, cám 5 B1HG, dầu FO.

b. Nhà máy Nhiệt điện Quảng Ninh 2

- ❖ Quy mô công suất: 2 x 300 MW (gồm các tổ máy 3, 4)
- ❖ Công nghệ:
 - Hiệu suất toàn nhà máy : 40,356%
 - Hiệu suất lò hơi : 88,23 %
 - Hiệu suất tua bin : 45,97 %
 - Hiệu suất truyền tải : 99,5%
 - Điện tự dùng : 9,3%

8.8. Quy trình sản xuất

Hình 7: Quy trình sản xuất điện năng



Nguồn: CTCP Nhiệt điện Quảng Ninh

Nhiên liệu được nạp vào hệ thống để đốt nóng nước đã khử khoáng trở thành hơi nước áp suất cao, sau đó hơi nóng chuyển động sẽ đẩy tua bin hoặc máy phát điện quay đạt vận tốc xác định. Các bộ tua bin / máy phát sẽ sản sinh ra điện năng và hơi nước ở các mức áp suất thấp hơn. Điện năng sẽ được đấu nối với hệ thống điện năng và hơi nước ở các mức áp suất thấp hơn. Điện năng sẽ được đấu nối với hệ thống điện quốc gia bằng 2 cấp điện áp 220 kV và 500 kV (mạch kép) tới trạm phân phối 500/220 kV tại xã Thống Nhất, huyện Hoàn Bồ. Các loại hơi với áp suất thấp hơn sẽ được truyền đến các nhà máy khác để tái sử dụng phục vụ sản xuất. Các máy phát điện được điều khiển tự động bằng hệ thống kiểm soát kỹ thuật số do hệ thống máy tính hiện đại điều khiển.

8.9. Nhãn hiệu thương mại

Thương hiệu "EVN TPC Quảng Ninh" đã trở nên quen thuộc trên thị trường với các đóng góp của mình vào công cuộc phát triển kinh tế của Tỉnh Quảng Ninh nói riêng và cả nước nói chung.

Logo:



EVNTPC QUANG NINH

8.10. Tóm tắt một số chỉ tiêu về hoạt động sản xuất kinh doanh giai đoạn 2013, 2014, 2015 và 6T/2016

Bảng 5: Bảng cân đối kế toán tóm tắt các năm 2013, 2014, 2015 và 6T/2016

Đơn vị: VND

Khoản mục	2013	2014	2015	6T/2016
Tiền và tương đương tiền	10.202.332.516	317.712.517.315	69.885.900.738	376.061.158.757
Đầu tư tài chính NH	-	-	-	-
Các khoản phải thu ngắn hạn	311.158.872.609	875.770.321.172	1.474.811.688.255	1.144.763.547.427
Hàng tồn kho	246.098.310.166	265.169.735.769	231.917.718.926	226.458.666.832
Tài sản lưu động khác	105.816.695.443	724.389.600	-	-
Tài sản cố định hữu hình	7.324.185.745.285	17.230.923.846.192	15.308.542.205.287	14.337.265.498.046
Tài sản cố định vô hình	674.352.586	562.257.034	1.256.297.748	2.295.410.479
Chi phí XD cơ bản dở dang	11.066.804.568.026	-	-	-
Các khoản ĐT tài chính dài hạn	5.000.000.000	5.000.000.000	-	5.000.000.000
Tài sản dài hạn khác	1.268.554.599.532	1.277.654.224.841	101.421.555.382	69.066.592.606
Tổng Tài sản	20.338.495.476.163	19.968.517.291.923	17.187.835.366.336	16.160.910.874.147
Nợ ngắn hạn	3.777.776.591.390	4.059.565.573.750	3.698.600.818.418	3.276.038.750.678
Nợ dài hạn	12.324.896.811.871	11.694.669.499.696	11.111.551.125.121	10.099.975.020.422
Vốn chủ sở hữu	4.235.822.072.902	4.214.282.218.477	2.377.683.422.797	2.784.897.103.047
<i>Trong đó: Vốn điều lệ</i>	<i>4.500.000.000.000</i>	<i>4.500.000.000.000</i>	<i>4.500.000.000.000</i>	<i>4.500.000.000.000</i>
<i>Lỗ lũy kế/LNST chưa phân phối</i>	<i>(535.863.990.633)</i>	<i>(529.305.240.886)</i>	<i>(1.850.145.518.287)</i>	<i>(1.472.173.376.717)</i>
Tổng Nguồn vốn	20.338.495.476.163	19.968.517.291.923	17.187.835.366.336	16.160.910.874.147

Nguồn: CTCP Nhiệt điện Quảng Ninh

Bảng 6: Kết quả hoạt động kinh doanh giai đoạn 2013, 2014, 2015 và 6T/2016

Đơn vị: VNĐ

Khoản mục	2013	2014	2015	6T/2016
Doanh thu thuần	2.751.515.374.020	7.550.819.763.323	7.703.174.780.243	4.378.246.340.152
Giá vốn hàng bán	2.670.607.045.528	6.427.137.674.804	6.660.106.688.132	3.655.517.914.430
Lợi nhuận gộp	80.908.328.492	1.123.682.088.519	1.043.068.092.111	722.728.425.722
DT từ hoạt động tài chính	66.360.065.391	72.916.295.697	102.633.162.211	71.933.571.133
Chi phí hoạt động tài chính	644.406.951.268	1.147.193.293.915	2.370.032.064.573	393.465.101.871
<i>Trong đó: chi phí lãi vay</i>	<i>434.864.200.322</i>	<i>886.747.450.239</i>	<i>894.261.132.533</i>	<i>393.465.101.871</i>
Chi phí quản lý	39.311.183.486	47.571.983.033	101.351.251.976	23.410.282.541
Lợi nhuận thuần từ HĐKD	(536.449.740.871)	1.833.107.268	(1.325.682.062.227)	377.786.612.443
Thu nhập khác	54.602.826.642	80.612.568.491	5.366.468.633	3.379.190.604
Chi phí khác	54.017.076.404	75.886.926.012	524.683.807	3.193.661.477
Lợi nhuận khác	585.750.238	4.725.642.479	4.841.784.826	185.529.127
Lợi nhuận trước thuế	(535.863.990.633)	6.558.749.747	(1.320.840.277.401)	377.972.141.570
Thuế TNDN hiện hành	-	-	-	-
Lợi nhuận sau thuế	(535.863.990.633)	6.558.749.747	(1.320.840.277.401)	377.972.141.570

Nguồn: CTCP Nhiệt điện Quảng Ninh

8.11. Các chỉ tiêu tài chính cơ bản

Năm tài chính của công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong Báo cáo tài chính bằng Đồng Việt Nam. Công ty áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

a. Trích khấu hao TSCĐ

Chi phí khấu hao của Công ty được trích lập phù hợp với quy định của Bộ Tài chính, cụ thể như sau:

- ❖ TSCĐ được xác định theo nguyên giá trừ (-) giá trị hao mòn lũy kế;
- ❖ Nguyên giá TSCĐ bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động. Những chi phí mua sắm, cải tiến và tân trang được tính vào giá trị tài sản cố định và những chi phí bảo trì sửa chữa được tính vào kết quả hoạt động kinh doanh;
- ❖ Khi tài sản bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi/lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào kết quả hoạt động kinh doanh;
- ❖ TSCĐ được khấu hao theo phương pháp đường thẳng để trừ dần nguyên giá theo thời gian hữu dụng ước tính.

b. Các khoản phải nộp theo luật định

Công ty thực hiện đầy đủ các khoản phải nộp theo luật định về thuế như: thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế thu nhập cá nhân, phí và lệ phí...

Bảng 7: Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước của Công ty

Đơn vị: VNĐ

Chỉ tiêu	31/12/2013	31/12/2014	31/12/2015	30/06/2016
Thuế giá trị gia tăng	-	38.657.524.018	27.188.713.300	23.588.972.780
Thuế thu nhập cá nhân	74.302.154	250.000.000	5.038.209	29.491.750
Thuế tài nguyên	111.560.040	1.527.089.760	-	-
Thuế nhà đất, tiền thuê đất			957.715.140	-
Tổng cộng	185.862.194	40.434.813.778	28.151.466.649	23.618.464.530

Nguồn: CTCP Nhiệt điện Quảng Ninh

c. Trích lập các quỹ theo luật định

Bảng 8: Các quỹ của Công ty

Đơn vị: VNĐ

Chỉ tiêu	31/12/2013	31/12/2014	31/12/2015	30/06/2016
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	8.644.132.438	5.169.683.280	3.380.334.396	2.708.301.402
Quỹ đầu tư phát triển	12.696.830.922	12.696.830.922	12.696.830.922	12.696.830.922
Quỹ dự phòng tài chính	28.098.604.172	-	-	-

Chi tiêu	31/12/2013	31/12/2014	31/12/2015	30/06/2016
Tổng cộng	49.439.567.532	17.866.514.202	16.077.165.318	15.405.132.324

Nguồn:CTCP Nhiệt điện Quảng Ninh

d. Các khoản phải thu, phải trả

Bảng 9: Các khoản phải thu của Công ty

Đơn vị: VND

KHOẢN MỤC	31/12/2013	31/12/2014	31/12/2015	6T/2016
Phải thu khách hàng	123.940.362.295	801.825.866.451	1.404.717.358.790	1.049.576.265.696
Trả trước cho người bán	173.403.986.500	73.883.235.932	68.419.501.518	68.182.081.169
Các khoản phải thu khác	13.814.523.814	61.218.789	1.674.827.947	27.005.200.562
Tổng	311.158.872.609	875.770.321.172	1.474.811.688.255	1.144.763.547.427

Nguồn:CTCP Nhiệt điện Quảng Ninh

Bảng 10: Các khoản phải trả của Công ty

Đơn vị: VND

KHOẢN MỤC	31/12/2013	31/12/2014	31/12/2015	30/06/2016
Nợ ngắn hạn	3.777.776.591.390	4.059.565.573.750	3.698.600.818.418	3.276.038.750.678
Vay ngắn hạn	2.364.142.705.606	2.570.301.548.151	2.072.167.459.397	1.911.387.604.201
Người mua trả tiền trước	-	-	173.018.950	251.550.644
Phải trả người bán	1.151.050.496.945	1.192.205.647.663	1.349.898.077.786	1.149.079.879.054
Thuế và các khoản khác phải nộp NN	185.862.194	40.434.613.778	28.151.466.649	23.618.464.530
Phải trả người lao động	10.482.593.703	28.679.708.878	38.189.867.141	8.969.297.968
Chi phí phải trả	243.066.052.676	221.981.160.553	203.088.346.465	179.615.499.180
Các khoản phải trả, phải nộp khác	204.747.828	793.211.447	3.552.247.634	408.153.699
Quỹ khen thưởng phúc lợi	8.644.132.438	5.169.683.280	3.380.334.396	2.708.301.402
Nợ dài hạn	12.324.896.811.871	11.694.669.499.696	11.111.551.125.121	10.099.975.020.422
Tổng	16.102.673.403.261	15.754.235.073.446	14.810.151.943.539	13.376.013.771.100

Nguồn:CTCP Nhiệt điện Quảng Ninh

Tổng các khoản vay nợ của Công ty có xu hướng giảm dần từ hơn 16.000 tỷ năm 2013 còn gần 14.000 tỷ tính đến 6 tháng đầu năm 2016. Các khoản nợ phải trả của Công ty phần lớn là các khoản phải trả người bán mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa dịch vụ, như chi trả cho Tập đoàn Công nghiệp Khoáng sản Việt Nam, hay Tập đoàn điện khí Thượng Hải. Các khoản nợ dài hạn chiếm tỷ trọng lớn bao gồm các khoản vay ngoại tệ USD nhận nợ lại khoản vay giữa Tập đoàn Điện lực Việt Nam và Ngân hàng Xuất nhập khẩu Trung Quốc tài trợ tín dụng cho dự án Nhà máy Nhiệt điện Quảng Ninh 1 và Nhà máy Nhiệt điện Quảng Ninh 2.

Tiếp đó là các khoản vay giữa Công ty với các Ngân hàng Thương mại Cổ phần bao gồm Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam-Chi nhánh Khu Công nghiệp Bắc Hà Nội, và Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam-Chi nhánh Quảng Ninh, sử dụng để thanh toán các chi phí của dự án đầu tư xây dựng 2 dự án Nhiệt điện trên.

e. Một số chỉ tiêu tài chính cơ bản

Bảng 11: Chỉ số đánh giá hiệu quả hoạt động

Đơn vị: Lần

Chỉ số đánh giá hiệu quả hoạt động	2013	2014	2015	6T/2016
Vòng quay khoản phải thu	5,90	12,51	8,63	3,82
Vòng quay khoản phải trả	2,45	0,47	4,38	2,68
Vòng quay hàng tồn kho	11,75	25,14	27,87	16,14
Số ngày khoản phải thu	60	29	41,73	94,13
Số ngày khoản phải trả	146	770	82,16	134,39
Số ngày hàng tồn kho	30	15	12,92	22,30

Nguồn: CTCP Nhiệt điện Quảng Ninh

Các chỉ số đánh giá hiệu quả hoạt động có xu hướng tăng giảm thất thường do sự ảnh hưởng của các xu hướng đan xen trong nền kinh tế đã tác động tiêu cực đến việc luân chuyển vốn và hàng hoá giữa doanh nghiệp và các đối tác khác trong nền kinh tế.

Bảng 12: Chỉ số đánh giá khả năng sinh lời

Chỉ số đánh giá khả năng sinh lời	2013	2014	2015	6T/2016
Tỷ suất lợi nhuận gộp/DTT (GPM)	1,00%	14,88%	13,54%	16,51%
Tỷ suất LNST/DT thuần (NPM)	-21,41%	0,09%	-17,15%	8,63%
Lợi nhuận sau thuế/Tài sản (ROA)	-2,90%	0,03%	-7,68%	2,34%
Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu (ROE)	-14,09%	0,16%	-55,55%	13,57%

Nguồn: CTCP Nhiệt điện Quảng Ninh

Các chỉ số thể hiện khả năng sinh lời của Công ty có xu hướng bất ổn định. Trong năm 2013, chi phí giá vốn cao bất thường (97% doanh thu), do sự cố và thời gian sửa chữa bảo dưỡng các tổ máy của nhà máy Nhiệt điện Quảng Ninh 1 lâu hơn nhiều so với kế hoạch trong khi Công ty vẫn phải chịu các chi phí cố định, đặc biệt là chi phí khấu hao khiến Công ty lỗ 535 tỷ đồng. Trong năm 2015, công ty bị lỗ tỷ giá 631 tỷ đồng do Ngân hàng Nhà nước đã điều chỉnh tỷ giá bình quân liên ngân hàng tăng 3% so với đầu năm và nới rộng biên độ tỷ giá từ +/-1% lên +/-3%. Công ty được phép phân bổ khoản lỗ này trong 5 năm, nên chỉ ghi nhận một phần vào kết quả hoạt động kinh doanh 2015 là khoảng 115 tỷ đồng. Mặc dù vậy, Công ty phải ghi nhận khoản lỗ tỷ giá chưa phân bổ là 1.260 tỷ đồng nên lợi nhuận sau thuế của Công ty là lỗ 1.321 tỷ đồng. Trong 6 tháng đầu năm, kết quả kinh doanh của Công ty có phần khả quan do hoạt động sản xuất tiếp tục được cải thiện trong khi tỷ giá USD/VNĐ được duy trì ổn định nên Công ty hầu như không chịu lỗ chênh lệch tỷ giá.

Bảng 13: Chỉ số đánh giá khả năng quản lý công nợ

Chỉ số đánh giá khả năng quản lý công nợ	2013	2014	2015	6T/2016
Công nợ/Vốn chủ sở hữu	385,00%	394,64%	622,88%	480%
Công nợ/Tổng tài sản	79,38%	83,28%	86,17%	83%
Nợ ngắn hạn/Tổng nợ	23,46%	25,77%	24,97%	24%

Nguồn:CTCP Nhiệt điện Quảng Ninh

Hiện nay, hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty thường xuyên được duy trì ở mức cao. Tỷ trọng công nợ trên vốn chủ sở hữu duy trì thường xuyên ở mức hơn 300%. Điều này thể hiện chủ trương tận dụng đòn bẩy tài chính làm động lực để kích thích hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp. Tuy nhiên công nợ cao khiến cho doanh nghiệp phải đối mặt với áp lực từ rủi ro thanh khoản và lãi vay phải trả.

9. CHÍNH SÁCH ĐỐI VỚI NGƯỜI LAO ĐỘNG

Tính đến thời điểm ngày 30/06/2016, Công ty Cổ phần Nhiệt điện Quảng Ninh có 934 lao động, trong đó tỷ lệ nguồn nhân lực trình độ cao (đại học trở lên) tương đối lớn, chiếm 35,1%. Số lượng lao động có trình độ cao lớn sẽ góp phần không nhỏ vào việc đảm bảo chất lượng dịch vụ, tiến độ công việc và góp phần nâng cao thương hiệu của doanh nghiệp.

Bảng 14: Cơ cấu nguồn nhân lực tại thời điểm 30/06/2016

TT	Đơn vị	Tổng số lao động	Trình độ					Giới tính	
			Trên ĐH	ĐH	CĐ	TC	CN	Nam	Nữ
1	Lãnh đạo Công ty	5	2	3				5	0
2	Đoàn thể	4		4				3	1
3	Tổ chức nhân sự	11		9	1			6	5
4	Tài chính kế toán	12	1	11				4	8
5	Bảo vệ	40		8	5	8	12	39	1
6	Tổ EPC	4		4				3	1
7	Văn phòng Công ty	89		20	1	9	6	20	69
8	Kỹ thuật sản xuất	25	2	23				21	4
9	An toàn	6		6				6	0
10	Kế hoạch vật tư	31	2	26	2	1		20	11
11	PX Lò máy	254		42	54	130	4	194	60
12	PX Điện-Tự động	171		79	31	49	12	131	40
13	PX Nhiên liệu	94		26	14	41	2	73	21
14	PX Cơ nhiệt	109		31	22	31	25	101	8
15	PX Hóa	79		29	18	25	3	33	46

TT	Đơn vị	Tổng số lao động	Trình độ					Giới tính	
			Trên ĐH	ĐH	CĐ	TC	CN	Nam	Nữ
	Tổng cộng	934	7	321	148	294	64	659	275

Nguồn : CTCP Nhiệt điện Quảng Ninh

10. CHÍNH SÁCH CỔ TỨC

Việc chi trả cổ tức bằng tiền hoặc cổ phiếu được căn cứ tình hình thực tế về nhu cầu vốn cho sản xuất kinh doanh của Công ty. Thêm nữa, mặc dù có những nỗ lực trong việc cải thiện hoạt động sản xuất kinh doanh, tuy nhiên do phải xử lý khoản lỗ lũy kế chưa phân bổ cho nên CTCP Nhiệt điện Quảng Ninh đã không thể chi trả cổ tức cho cổ đông, ngoại trừ năm 2012, Công ty có trả cổ tức 5%.

11. TÌNH HÌNH TÀI SẢN CỦA CÔNG TY

Bảng 15: Tài sản cố định hữu hình của doanh nghiệp tại thời điểm 30/06/2016

Đơn vị: VND

Hạng mục	Nguyên giá	Khấu hao lũy kế	Giá trị còn lại
Tài sản cố định hữu hình	21.414.834.852.260	(7.077.569.354.214)	14.337.265.498.046
Nhà cửa vật kiến trúc	4.337.325.878.518	(866.896.330.143)	3.470.429.548.375
Máy móc thiết bị	15.897.595.644.180	(5.759.855.688.649)	10.137.739.975.531
Phương tiện vận tải	1.174.953.529.784	(448.193.383.624)	726.760.146.160
Tài sản cố định dùng trong quản lý	4.030.362.890	(1.707.000.710)	2.323.362.180
Tài sản cố định hữu hình khác	929.416.888	(916.951.088)	12.465.800
Hạng mục	Nguyên giá	Khấu hao lũy kế	Giá trị còn lại
Tài sản cố định vô hình	3.607.006.052	(1.311.595.573)	2.295.410.479

Nguồn: CTCP Nhiệt điện Quảng Ninh

Bảng 16: Danh mục tài sản đất đai

TT	Địa chỉ	DT (m ²)	Mục đích SD	Thời hạn SD	Ghi chú	Căn cứ pháp lý
1	Phường Hà Khánh, Thành phố Hạ Long	2.701.539,4	Xây dựng nhà máy Nhiệt điện Quảng Ninh	40 năm, kể từ ngày 15/03/2007	Đất thuê trả tiền hàng năm	<ul style="list-style-type: none"> ✧ Quyết định số 2557/QĐ-UBND ngày 24/09/2013 của UBND tỉnh Quảng Ninh; ✧ Hợp đồng thuê đất số 54/HĐĐT ngày 13/04/2015 giữa UBND tỉnh Quảng Ninh và CTCP Nhiệt điện Quảng Ninh
2	Phường xã Dương Huy, thành phố	1.448,22	Xây dựng móng cột đường dây	50 năm (kể từ ngày 21	Đất thuê	✧ Hợp đồng thuê đất số 230/HĐĐT ngày

TT	Địa chỉ	DT (m ²)	Mục đích SD	Thời hạn SD	Ghi chú	Căn cứ pháp lý
	Cẩm Phả (1.395,61 m ²) và xã Hòa Bình, huyện Hoành Bồ (52,61 m ²)		35kV và trạm biến áp cấp điện cho trạm bơm nước kỹ thuật kết hợp nước thi công nhà máy nhiệt điện Quảng Ninh	tháng 7 năm 2009 đến hết ngày 21 tháng 7 năm 2059)	trả tiền hàng năm	27/11/2015 giữa UBND tỉnh Quảng Ninh và CTCP Nhiệt điện Quảng Ninh
3	Phường Hà Khánh, thành phố Hạ long (34.655,8 m ²); tại xã Dương Huy, thành phố Cẩm Phả (6.156,0 m ²); xã Hòa Bình (29.858,5 m ²) và xã Vũ Oai huyện Hoành Bồ (17.662,3 m ²)	88.332,6	Xây dựng tuyến đường ống cung cấp nước kỹ thuật thi công dự án Nhà máy Nhiệt điện Quảng Ninh	31 năm (hết hạn ngày 15/03/2047)	Đất thuê trả tiền hàng năm	✧ Hợp đồng thuê đất số 241/HĐTD ngày 24/05/2016 giữa UBND tỉnh Quảng Ninh và CTCP Nhiệt điện Quảng Ninh
4	Phường Hà Khánh, thành phố Hạ long (3.531,3 m ²) và tại xã Thống Nhất, huyện Hoành Bồ (3.429,1 m ²)	6.960,4	Xây dựng các móng cột dự án đường dây 500 Kv và 220 Kv đầu nối từ Nhà máy nhiệt điện Quảng Ninh với trạm biến áp 500 Kv Quảng Ninh	31 năm (hết hạn ngày 15/03/2047)	Đất thuê trả tiền hàng năm	✧ Hợp đồng thuê đất số 242/HĐTD ngày 24/05/2016 giữa UBND tỉnh Quảng Ninh và CTCP Nhiệt điện Quảng Ninh
5	Phường Hà Khánh, Thành phố Hạ Long	2.383,7	Để làm Trạm bơm nước lắng trong quay về Nhà máy Nhiệt điện Quảng Ninh	31 năm (hết hạn ngày 15/03/2047)	Đất thuê trả tiền hàng năm	✧ Hợp đồng thuê đất số 374/HĐTD ngày 13/07/2016 giữa UBND tỉnh Quảng Ninh và CTCP Nhiệt điện Quảng Ninh

Nguồn: CTCP Nhiệt điện Quảng Ninh

12. TRIỂN VỌNG PHÁT TRIỂN

12.1. Vị thế của Công ty

Nhà máy Nhiệt điện Quảng Ninh là dự án quan trọng nằm trong Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia giai đoạn 2006-2015 có xét đến 2025 (gọi tắt là Quy hoạch Điện VII) đã được Thủ tướng Chính Phủ phê duyệt kèm theo Quyết định số 110/2007/QĐ-TTg ban hành ngày 18/07/2007. Đây không chỉ là dự án trọng điểm trong ngành công nghiệp năng lượng trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh còn có ý nghĩa đặc biệt trong việc giảm thiểu thiếu hụt lượng điện trên cả nước hiện nay.

12.2. Triển vọng phát triển ngành

Về nhu cầu:

Ngành điện hiện nay vẫn đang là ngành có nhu cầu lớn hơn khả năng sản xuất trong nước. Tốc độ tăng trưởng điện nhu thuộc nhiều vào tốc độ tăng trưởng kinh tế. Trong giai đoạn 2016-2020, tốc độ

tăng GDP được dự báo ở mức 6,7-7%/năm thì nhu cầu tiêu thụ điện nhiều khả năng sẽ tiếp tục tăng mạnh. Đặc biệt trong giai đoạn này, GDP tăng trưởng chủ yếu nhờ vào sự phát triển của lĩnh vực công nghiệp và xây dựng, trong khi lĩnh vực này chiếm tỷ trọng trên 50% tổng mức tiêu thụ điện năng của cả nước. Bên cạnh đó, nhu cầu tiêu thụ điện hộ gia đình cũng sẽ gia tăng, một mặt nhờ đà phục hồi của nền kinh tế, mặt khác là mạng lưới truyền tải điện được nâng cấp và mở rộng, với tỷ trọng chiếm khoảng trên 40%.

Về triển vọng điều chỉnh giá bán điện:

Theo Thông tư số 16/2014/TT-BCT ngày 29/5/2014 quy định về thực hiện giá điện và Quyết định số 4887/QĐ-BCT ngày 30/5/2014 quy định về giá bán điện của Bộ Công Thương, giá bán lẻ điện của Việt Nam từ ngày 1/6/2014 ở mức bình quân 1.508,85 đồng/kWh (chưa có VAT) (tương đương 7,1 cent/kWh) hiện đang thấp hơn so với khu vực (bình quân trên 10 cents/kWh). Do đó, trong tương lai giá bán điện có khả năng sẽ được Chính phủ cho phép tăng nhằm mục tiêu chuẩn bị cho quá trình xây dựng thị trường điện cạnh tranh và khuyến khích đầu tư trong lĩnh vực.

Về mức độ tham gia ngành và triển vọng xây dựng thị trường điện cạnh tranh:

Với đặc thù của ngành sản xuất điện, chi phí đầu tư và vận hành các nhà máy sản xuất điện khá lớn nhưng giá điện thương phẩm hiện đang bị kiểm soát đầu ra và mức giá bán điện thương phẩm còn khá thấp nên rào cản gia nhập thị trường cao. Do đó, đối tượng tham gia thị trường sản xuất điện tại Việt Nam chủ yếu là các doanh nghiệp có vốn đầu tư của Tập đoàn Điện lực Việt Nam và các Tổng Công ty/ Tập đoàn công nghiệp nặng khác. Việc đầu tư vào ngành điện gần đây được khuyến khích và hỗ trợ rất nhiều từ Chính phủ với phương án cụ thể như: hỗ trợ nguồn vốn vay có lãi suất thấp từ các tổ chức quốc tế, hỗ trợ từ chính sách thuế và đầu tư, hỗ trợ giá nguyên liệu đầu vào, và điều chỉnh giá bán điện theo cơ chế thị trường.

Thêm nữa, do ảnh hưởng của việc thay đổi khí hậu gần đây, hiện tượng El Nino kéo dài có thể dẫn đến lưu lượng nước ở các hồ thủy điện giảm thấp, đặc biệt là các hồ miền Trung và Nam, khi mùa khô đến. Vì vậy để đảm bảo đủ điện cho sản xuất và sinh hoạt trong cả nước khi mùa khô đến, Tập đoàn EVN sẽ huy động và khai thác tối đa các nhà máy nhiệt điện. Đây cũng là một lợi thế cạnh tranh của các công ty nhiệt điện so với các công ty thủy điện.

13. PHÂN TÍCH SWOT

a. Điểm mạnh:

- ❖ Là một trong số những đơn vị sản xuất và cung cấp điện năng có công suất lớn nhất cả nước (4 tổ máy x 300 MW/tổ máy);
- ❖ Việc quản lý vận hành luôn được sát sao bằng việc chủ động tiếp nhận và nắm bắt công nghệ nhằm đảm bảo các tổ máy vận hành an toàn và liên tục, cắt giảm tối đa các chi phí phát sinh do các sự cố vận hành dẫn tới ngừng hoạt động các tổ máy;
- ❖ Cổ đông của Công ty đều là tổ chức trong ngành, có tiềm lực về tài chính, kinh nghiệm quản lý dự án đầu tư, có nhiều hỗ trợ trong quá trình xây dựng, lắp đặt, cung cấp nguyên, nhiên liệu đầu vào;
- ❖ Có nhiều hỗ trợ từ Chính phủ, các cơ quan ban ngành và chính quyền địa phương;
- ❖ Công tác đào tạo cán bộ và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực luôn được nhấn mạnh trong mọi hoạt động của Công ty;
- ❖ Là doanh nghiệp có trách nhiệm xã hội cao khi hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty luôn đi kèm với hoạt động bảo vệ môi trường.

b. Điểm yếu

- ❖ Rủi ro về tỷ giá luôn hiện hữu trong hoạt động của Công ty dẫn đến những ảnh hưởng trong

dòng tiền hoạt động.

c. Cơ hội

- ❖ GDP cả nước tăng, nhu cầu sản xuất kinh doanh tăng sẽ dẫn đến nhu cầu tiêu thụ điện phục vụ sản xuất kinh doanh trong nước tăng;
- ❖ Giá bán điện có xu hướng tăng trong tương lai khi Chính phủ cho phép tăng nhằm mục tiêu chuẩn bị cho quá trình xây dựng thị trường điện cạnh tranh và khuyến khích đầu tư trong lĩnh vực;
- ❖ Hiện tượng El Nino kéo dài có thể dẫn đến lưu lượng nước ở các hồ thủy điện giảm thấp, dẫn đến, Tập đoàn EVN sẽ huy động và khai thác tối đa các nhà máy nhiệt điện nhất là khi mùa khô đến để đảm bảo đủ điện cho sản xuất và sinh hoạt trong cả nước.

d. Thách thức

- ❖ Chi phí đầu tư và vận hành các nhà máy sản xuất điện khá lớn nhưng giá điện thương phẩm hiện đang bị kiểm soát đầu ra và mức giá bán điện thương phẩm còn khá thấp;
- ❖ Chi phí bảo dưỡng khó kiểm soát do công nghệ hiện đại và đặc thù;
- ❖ Việc tiếp cận nguồn vốn trong nước cũng như nước ngoài cho nhu cầu triển khai những dự án phát triển tiếp theo có thể gặp trở ngại khi nền kinh tế suy thoái hay chậm phát triển.

14. KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH 2016

14.1. Chiến lược phát triển giai đoạn 2016 – 2020

- ❖ Thay đổi hình thức sở hữu theo hướng đa dạng hoá cơ cấu chủ sở hữu nhằm đổi mới cơ chế quản trị điều hành;
- ❖ Tiếp tục công tác đào tạo cán bộ và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực nhằm đảm bảo mục tiêu nắm bắt và nhận chuyển giao toàn bộ công nghệ từ nhà thầu Trung Quốc, độc lập vận hành các tổ máy một cách an toàn và liên tục;
- ❖ Tăng cường sự kiểm soát của các cổ đông, khách hàng và công chúng đối với công ty;
- ❖ Kinh doanh dựa trên các nguyên tắc thị trường với mục tiêu tối ưu hoá lợi nhuận, quản lý rủi ro và kiểm soát nội bộ theo nguyên tắc;
- ❖ Tổ chức bộ máy phù hợp với tính chất kinh doanh theo nguyên tắc thị trường, tinh gọn, linh hoạt, đủ điều kiện hội nhập quốc tế;
- ❖ Tham gia thị trường bán lẻ cạnh tranh theo lộ trình của Chính phủ.
- ❖ Phấn đấu trở thành Doanh nghiệp đi đầu trong các trách nhiệm về môi trường, xã hội và Cộng đồng Công ty.

14.2. Biện pháp thực hiện

- ❖ Tiến hành hiệu chỉnh các tổ máy để đảm bảo các tổ máy vận hành ổn định, liên tục, mang lại hiệu quả kinh tế cao. Tiếp đó, xây dựng kế hoạch dần thay thế các thiết bị chính của các tổ máy có chất lượng tốt hơn, ổn định hơn;
- ❖ Mở rộng và đa dạng hoá các danh mục hàng hoá kinh doanh, đầu tư góp vốn liên doanh, liên kết để tăng thu nhập. Tăng trưởng bền vững và nâng cao hiệu quả kinh doanh: đổi mới nhận thức về kinh doanh XNK, xây dựng chính sách kinh doanh hợp lý;

- ❖ Xây dựng chiến lược phát triển tài chính phù hợp chiến lược kinh doanh và gắn với mục tiêu hiện đại hoá công ty, phát triển công ty một cách bền vững. Đẩy mạnh công tác kế hoạch hoá tài chính tại từng đơn vị thành viên và toàn hệ thống để sử dụng nó như một công cụ quản lý hữu hiệu đạt mục tiêu HĐKD;
- ❖ Nâng cao năng lực vốn tự có bằng các hình thức thức cơ cấu lại nợ, xử lý nợ tồn đọng để trích bổ sung từ kết quả kinh doanh bảo đảm an toàn vốn;
- ❖ Hoàn thiện các chính sách quản lý thu nhập, chi phí thông qua việc xây dựng các định mức chuẩn cho các khoản chi trong quản lý cũng như trong HĐKD đảm bảo chi phí hợp lý, tiết kiệm, hiệu quả;
- ❖ Duy trì thường xuyên và nâng cao chất lượng phân tích tình hình tài chính để kịp thời đưa ra các quyết định quản trị, điều hành HĐKD có hiệu quả. Kiện toàn bộ máy kiểm toán nội bộ thuộc HĐQT, củng cố cơ cấu tổ chức nâng cao hiệu quả hoạt động của bộ máy KTKSNB chuyên trách nhằm ngăn ngừa, phát hiện chấn chỉnh kịp thời các sai sót vi phạm, giảm thiểu rủi ro trong HĐKD;
- ❖ Tìm kiếm Nhà đầu tư tham gia Dự án chế biến, khai thác và kinh doanh tro xỉ để góp phần cải tạo môi trường, tận dụng nguồn thu và nâng cao hiệu quả, lợi nhuận trong sản xuất kinh doanh của Công ty;
- ❖ Bảo đảm an toàn, vệ sinh lao động, phòng chống cháy nổ, vệ sinh môi trường và cải thiện điều kiện làm việc cho người lao động, hướng tới sự phát triển bền vững và góp phần tích cực vào sự phát triển kinh tế-xã hội địa phương;
- ❖ Tận dụng hiệu quả nguồn nguyên vật liệu cũng như nguồn nhân lực lao động địa phương để phát triển sản xuất.

15. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC, KẾ TOÁN TRƯỞNG, BAN KIỂM SOÁT

Bảng 17: Danh sách Ban lãnh đạo và điều hành Công ty

TT	Họ tên	Chức danh	Cổ phần sở hữu (CP)	Tỷ lệ sở hữu
Hội đồng Quản trị				
1	Nguyễn Nam Thắng	Chủ tịch HĐQT	-	-
2	Lê Văn Ánh	Ủy viên HĐQT	-	-
3	Lê Duy Hạnh	Ủy viên HĐQT	-	-
4	Nguyễn Đức Luyện	Ủy viên HĐQT	-	-
5	Phùng Văn Sinh	Ủy viên HĐQT	-	-
6	Nguyễn Trọng Hiền	Ủy viên HĐQT	-	-
7	Đặng Huy Vũ	Ủy viên HĐQT	-	-
Ban Tổng Giám đốc				
1	Lê Duy Hạnh	Tổng Giám đốc	-	-
2	Vũ Thanh Hải	Phó Tổng Giám đốc	33.000	0,01%

TT	Họ tên	Chức danh	Cổ phần sở hữu (CP)	Tỷ lệ sở hữu
3	Ngô Sinh Nghĩa	Phó Tổng Giám đốc	10.000	0,002%
	Ban Kiểm soát			
1	Nguyễn Đăng Dung	Trưởng BKS	50.000	0,01%
2	Phạm Việt Cường	Thành viên BKS	-	-
3	Huỳnh Văn Khánh	Thành viên BKS	-	-
4	Ngô Văn Điện	Thành viên BKS	-	-
5	Vũ Thị Hoàng Yến	Thành viên BKS	-	-
	Kế toán trưởng			
1	Trần Vũ Linh	Phụ trách phòng TCKT	-	-

Nguồn: CTCP Nhiệt điện Quảng Ninh

16. CÁC TRANH CHẤP, KIẾN TỤNG CÓ LIÊN QUAN

Không có

17. THÔNG TIN VỀ NHỮNG TRANH CHẤP KIẾN TỤNG LIÊN QUAN TỚI CÔNG TY CÓ THEÀNH HƯỜNG TỚI GIÁ CHỨNG KHOÁN

Không

18. LƯU Ý KHÁC

18.1. Ý kiến kiểm toán ngoại trừ trên BCTC Kiểm toán 2014

Căn cứ Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2014 của Công ty Cổ phần Nhiệt điện Quảng Ninh, đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính 2014 (Công ty TNHH Kiểm toán Việt Anh) đưa ra ý kiến kiểm toán ngoại trừ như sau:

"Công ty chưa phân bổ lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm 2011 của giai đoạn đầu tư xây dựng là 663.223.736.328 VNĐ và lỗ chênh lệch do đánh giá lại khoản vay dài hạn tại thời điểm 31/12/2011 là 597.240.408.500 VNĐ (hiện được ghi nhận trong khoản mục CP trả trước dài hạn trên BCTCKT 2014 - Giải thích của Tổ chức tư vấn). Nếu Công ty thực hiện phân bổ lỗ chênh lệch tỷ giá này đều vào các năm sau và không quá 05 năm theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 - Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái và Thông tư số 179/2012/TT-BTC ngày 24/10/2012 của BTC quy định về việc ghi nhận, đánh giá, xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái trong doanh nghiệp thì khoản mục lợi nhuận sau thuế chưa phân phối và chi phí trả trước dài hạn trên Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2014 sẽ giảm đi 888.923.234.163 VNĐ, đồng thời, tổng lợi nhuận kế toán trước thuế trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2014 sẽ giảm đi 252.092.828.966 VNĐ."

18.2. Ý kiến kiểm toán ngoại trừ trên BCTC Kiểm toán 2015

Căn cứ Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2015 của Công ty Cổ phần Nhiệt điện Quảng Ninh, đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính 2015 (Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY ACA) đưa ra ý kiến kiểm toán ngoại trừ như sau :

"Như đã trình bày tại thuyết minh số 28.3 Phần thuyết minh báo cáo tài chính, đến thời điểm phát hành báo cáo kiểm toán này chúng tôi chưa nhận được văn bản của Thủ tướng chính phủ cho phép

Công ty được phân bổ lỗ chênh lệch tỷ giá đánh giá lại các khoản vay và nợ phải trả tại ngày 31/12/2015, số lỗ do đánh giá chênh lệch tỷ giá tại ngày 31/12/2015 đang theo dõi trên khoản mục "Chênh lệch tỷ giá" là 515.758.518.279 đồng. Nếu công ty thực hiện phân bổ lỗ chênh lệch tỷ giá này theo quy định của Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được hướng dẫn tại Thông tư 200/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22/12/2014 thì khoản mục lợi nhuận sau thuế chưa phân phối và Chênh lệch tỷ giá trên Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2015 sẽ giảm đi 515.758.518.279 đồng, đồng thời, lợi nhuận kế toán trước thuế trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015 sẽ giảm đi tương ứng."

18.3. Ý kiến kiểm toán ngoại trừ trên BCTC soát xét 6 tháng năm 2016

Căn cứ Báo cáo tài chính soát xét 6 tháng năm 2016 của Công ty Cổ phần Nhiệt điện Quảng Ninh, đơn vị soát xét Báo cáo tài chính soát xét 6 tháng năm 2016 (Công ty TNHH KPMG) đưa ra ý kiến kiểm toán ngoại trừ như sau:

"Báo cáo tài chính cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 được soát xét bởi một công ty kiểm toán khác. Trong báo cáo soát xét ngày 13 tháng 8 năm 2015 về báo cáo tài chính cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015, công ty kiểm toán tiền nhiệm đã đưa ra kết luận soát xét ngoại trừ do Công ty đã không phân bổ khoản lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong giai đoạn đầu tư và do đánh giá lại khoản ngoại tệ phát sinh trong năm 2011 trị giá 1.260.46.144.828 VND. Công ty chỉ thực hiện phân bổ khoản lỗ chênh lệch tỷ giá này vào kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của 6 tháng cuối năm 2015. Do vậy, vấn đề này có ảnh hưởng đối với tính có thể so sánh của thông tin tài chính kỳ hiện tại liên quan đến các khoản mục chênh lệch tỷ giá hối đoái, lỗ lũy kế, chi phí tài chính, lợi nhuận kế toán trước thuế và lợi nhuận sau thuế với các số liệu so sánh tương ứng."

PHẦN VI: THÔNG TIN LIÊN QUAN TỚI ĐỢT BÁN ĐẤU GIÁ

1. THÔNG TIN CƠ BẢN VỀ VIỆC BÁN ĐẤU GIÁ

Cổ phần chào bán	:	Cổ phiếu CTCP Nhiệt điện Quảng Ninh
Loại cổ phần	:	Cổ phiếu phổ thông tự do chuyển nhượng
Số lượng chào bán	:	51.401.089 cổ phần
Số lượng cổ phiếu nhà đầu tư trong nước được mua	:	51.401.089 cổ phần
Số lượng cổ phiếu nhà đầu tư nước ngoài được mua	:	51.401.089 cổ phần
Mệnh giá	:	10.000 đồng/cổ phần
Giá khởi điểm	:	Theo quy định tại Quy chế bán đấu giá cổ phần của Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh Vốn Nhà nước tại CTCP Nhiệt điện Quảng Ninh
Bước giá	:	100 đồng
SLCP tối thiểu/tối đa NĐT được mua	:	51.401.089 cổ phần
Hình thức chào bán	:	Bán đấu giá công khai cả lô cổ phần
Phát/tiếp nhận Đơn đăng ký tham gia đấu giá và phát Phiếu tham dự đấu giá	:	Thời gian: Theo quy định tại Quy chế bán đấu giá cổ phần của Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh Vốn Nhà nước tại CTCP Nhiệt điện Quảng Ninh Tại Công ty Cổ phần chứng khoán Maritime Tầng 1-3, Tháp A, Tòa nhà Sky City, 88 Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội
Nộp tiền cọc	:	Theo quy định tại Quy chế bán đấu giá cổ phần của Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh Vốn Nhà nước tại CTCP Nhiệt điện Quảng Ninh
Nộp phiếu tham dự đấu giá	:	Theo quy định tại Quy chế bán đấu giá cổ phần của Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh Vốn Nhà nước tại CTCP Nhiệt điện Quảng Ninh
Thời gian và địa điểm tổ chức đấu giá	:	Thời gian: Theo quy định tại Quy chế bán đấu giá cổ phần của Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh Vốn Nhà nước tại CTCP Nhiệt điện Quảng Ninh Công ty Cổ phần Chứng khoán Maritime Tầng 1-3, Tháp A, Tòa nhà Sky City, 88 Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội
Nộp tiền mua cổ phần	:	Thời gian: Theo quy định tại Quy chế bán đấu giá cổ phần của Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh Vốn Nhà nước tại CTCP Nhiệt điện Quảng Ninh

Nộp trực tiếp hoặc chuyển khoản vào tài khoản:

- ❖ Đơn vị: Tổng Công ty Đầu tư và kinh doanh vốn Nhà nước
- ❖ Số tài khoản: 9999 9999 9992
- ❖ Tại: Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt – Hội Sở chính
- ❖ Nội dung: Họ và tên/Tên tổ chức - Số CMTND/Số ĐKKD (ngày và nơi cấp) - Thanh toán tiền mua....cổ phần trúng giá của Công ty Cổ phần Nhiệt Điện Quảng Ninh.

Ghi chú: Mỗi nhà đầu tư được phát một phiếu đấu giá và chỉ được ghi tối đa 01 (một) mức giá đặt mua.

2. MỤC ĐÍCH CỦA VIỆC CHÀO BÁN

Bán phần vốn của Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh Vốn nhà nước(SCIC)tại Công ty Cổ phần Nhiệt điện Quảng Ninh nhằm cơ cấu lại danh mục theo chủ trương thoái vốn đầu tư của Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh Vốn nhà nước (SCIC) tại các doanh nghiệp Nhà nước.

Việc chào bán phần vốn của Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh Vốn nhà nước (SCIC) tại Công ty Cổ phần Nhiệt điện Quảng Ninh nhằm chỉ làm thay đổi cơ cấu cổ đông của Công ty, không làm thay đổi vốn điều lệ đã đăng ký.

3. ĐỊA ĐIỂM CÔNG BỐ THÔNG TIN

Thông tin cụ thể liên quan đến CTCP Nhiệt Điện Quảng Ninh và đợt đấu giá được công bố trên Website của Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước (www.scic.vn) và tại:

Công ty Cổ phần Chứng khoán Maritime

Trụ sở : Tầng 1-3, Tháp A, Tòa nhà Sky City, 88 Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội

Điện thoại : (84-4) 3776 5929 Fax: (84-4) 3776 5928

Website : www.msi.com.vn

4. ĐỐI TƯỢNG, ĐIỀU KIỆN THAM GIA ĐẤU GIÁ

a. Đối tượng tham gia đấu giá

Các tổ chức kinh tế, cá nhân Việt Nam và nước ngoài theo quy định tại Điều 6 Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18/7/2011 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước thành Công ty Cổ phần (sau đây gọi chung là nhà đầu tư) có đủ điều kiện sau đây được tham dự đấu giá:

- ❖ **Nhà đầu tư trong nước:** là cá nhân người Việt Nam, các tổ chức kinh tế, tổ chức xã hội được thành lập và hoạt động theo luật pháp Việt Nam; có tư cách pháp nhân (đối với các tổ chức kinh tế); có địa chỉ cụ thể, rõ ràng; nếu người đại diện pháp nhân thì phải có giấy ủy quyền; nếu là cá nhân phải có chứng minh thư nhân dân, giấy tờ tùy thân hợp lệ và có đủ năng lực hành vi dân sự;
- ❖ **Đối với nhà đầu tư nước ngoài:** ngoài các quy định như đối với pháp nhân và cá nhân trong nước, phải mở tài khoản tại các tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán đang hoạt động trên lãnh thổ Việt Nam và tuân thủ pháp luật Việt Nam. Mọi hoạt động liên quan đến mua cổ phần đều phải thông qua tài khoản này;
- ❖ **Các tổ chức tài chính trung gian nhận ủy thác đầu tư:** Trường hợp các tổ chức tài chính trung gian nhận ủy thác đầu tư của cả nhà đầu tư trong nước và nước ngoài, tổ chức

nhận uỷ thác đầu tư có trách nhiệm tách biệt rõ số lượng nhà đầu tư, số cổ phần của từng nhà đầu tư trong và ngoài nước đăng ký mua.

- ❖ Mỗi nhà đầu tư được phát một phiếu đấu giá và chỉ được ghi 01 mức giá đặt mua vào Phiếu tham dự đấu giá.

b. Điều kiện tham gia đấu giá

- ❖ Có Đơn đăng ký tham gia đấu giá theo đúng mẫu và nộp đúng thời hạn quy định;
- ❖ Đặt cọc đủ **10%** giá trị cổ phần đăng ký mua tính theo mức giá khởi điểm do Ban tổ chức đấu giá công bố cùng thời điểm nộp Đơn đăng ký tham gia đấu giá;
- ❖ Tuân thủ các quy định của Quy chế đấu giá.

5. NỘP ĐƠN ĐĂNG KÝ THAM GIA ĐẤU GIÁ

Nhà đầu tư điền đầy đủ thông tin vào đơn đăng ký tham gia đấu giá và nộp tại địa điểm làm thủ tục đăng ký kèm theo xuất trình:

❖ Đối với cá nhân trong nước:

- Chứng minh nhân dân (CMND) hoặc hộ chiếu, trường hợp nhận uỷ quyền, phải có giấy uỷ quyền theo quy định của pháp luật hoặc mẫu đính kèm quy chế này.
- Giấy nộp tiền hoặc giấy chuyển tiền đặt cọc.
- Trường hợp nhà đầu tư tham gia đấu giá với tư cách cá nhân, đồng thời lại là người đại diện theo pháp luật và/hoặc nhận uỷ quyền của người khác tham gia đấu giá với tư cách của người khác đó thì khi tham dự đấu giá bắt buộc phải có thêm cam kết bằng văn bản của các bên liên quan về việc không phản đối người đại diện theo pháp luật và/hoặc người được uỷ quyền tham gia đấu giá với tất cả các tư cách khác nhau trong cuộc đấu giá và tự nguyện chấp nhận những xung đột lợi ích xảy ra (nếu có) sau khi có kết quả đấu giá.

❖ Đối với tổ chức trong nước:

- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc giấy tờ khác tương đương;
- Giấy uỷ quyền cho đại diện thay mặt tổ chức thực hiện thủ tục trừ trường hợp người làm thủ tục là đại diện theo pháp luật của tổ chức;
- Giấy nộp tiền hoặc giấy chuyển tiền đặt cọc;
- Trường hợp nhà đầu tư tham gia đấu giá với tư cách cá nhân, đồng thời lại là người đại diện theo pháp luật và/hoặc nhận uỷ quyền của người khác tham gia đấu giá với tư cách của người khác đó thì khi tham dự đấu giá bắt buộc phải có thêm cam kết bằng văn bản của các bên liên quan về việc không phản đối người đại diện theo pháp luật và/hoặc người được uỷ quyền tham gia đấu giá với tất cả các tư cách khác nhau trong cuộc đấu giá và tự nguyện chấp nhận những xung đột lợi ích xảy ra (nếu có) sau khi có kết quả đấu giá.

❖ Đối với cá nhân và tổ chức nước ngoài:

- Hộ chiếu hoặc mã số kinh doanh chứng khoán do Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam cấp;
- Giấy xác nhận của Ngân hàng nhà nước về việc mở tài khoản tại một tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán đang hoạt động trên lãnh thổ Việt Nam;

- Giấy ủy quyền (nếu có);
- Giấy nộp tiền hoặc giấy chuyển tiền đặt cọc;
- Trường hợp nhà đầu tư tham gia đấu giá với tư cách cá nhân, đồng thời lại là người đại diện theo pháp luật và/hoặc nhận ủy quyền của người khác tham gia đấu giá với tư cách của người khác đó thì khi tham dự đấu giá bắt buộc phải có thêm cam kết bằng văn bản của các bên liên quan về việc không phản đối người đại diện theo pháp luật và/hoặc người được ủy quyền tham gia đấu giá với tất cả các tư cách khác nhau trong cuộc đấu giá và tự nguyện chấp nhận những xung đột lợi ích xảy ra (nếu có) sau khi có kết quả đấu giá.

6. LẬP VÀ NỘP PHIẾU THAM DỰ ĐẤU GIÁ

6.1. Phiếu tham dự đấu giá hợp lệ

- ❖ Phiếu do Tổ chức thực hiện bán đấu giá cấp, có đóng dấu treo của nơi cấp phiếu và đảm bảo: điền đầy đủ, rõ ràng các thông tin theo quy định; Phiếu không được tẩy xóa hoặc rách nát; Giá đặt mua không thấp hơn giá khởi điểm và ghi đúng bước giá quy định; Tổng số cổ phần đặt mua bằng mức đăng ký.
- ❖ Phiếu tham dự đấu giá phải được bỏ trong phong bì có chữ ký của nhà đầu tư trên mép dán phong bì theo quy định.
- ❖ Nếu có sự khác nhau giữa số tiền đặt mua bằng số và số tiền đặt mua bằng chữ thì số tiền đặt mua bằng chữ sẽ được coi là có giá trị.

6.2. Bỏ phiếu tham dự đấu giá kín theo đúng thời hạn quy định

7. THỦ TỤC CHUYỂN NHƯỢNG CỔ PHẦN

Ngay sau khi có kết quả đấu giá, kết quả đấu giá sẽ được thông báo tại các địa điểm công bố thông tin và trên cổng thông tin điện tử www.msi.com.vn và www.scic.vn để các Nhà đầu tư được biết, làm cơ sở để các bên phối hợp, triển khai các thủ tục chuyển nhượng liên quan tới Tổ chức chào bán cổ phần và Tổ chức phát hành.

PHẦN VII: THAY LỜI KẾT

Bản công bố thông tin được cung cấp nhằm mục đích giúp nhà đầu tư có thể đánh giá chung về tình hình tài chính và kết quả kinh doanh của doanh nghiệp trước khi đăng ký mua cổ phần. Tuy nhiên, do đợt chào bán này không phải là đợt phát hành/chào bán cổ phiếu của doanh nghiệp để huy động vốn trên thị trường sơ cấp nên Bản công bố thông tin này được chúng tôi xây dựng với khả năng và nỗ lực cao nhất từ các nguồn đáng tin cậy như đã trình bày và mong muốn công bố/thông báo tới Nhà đầu tư về tình hình doanh nghiệp và các thông tin liên quan đến doanh nghiệp.

Bản công bố thông tin này không bảo đảm rằng đã chứa đựng đầy đủ các thông tin về doanh nghiệp và chúng tôi cũng không thực hiện phân tích, đưa ra bất kỳ ý kiến đánh giá nào với hàm ý đảm bảo giá trị của cổ phiếu. Do đó, chúng tôi khuyến nghị nhà đầu tư trước khi tham gia đấu giá cần tìm hiểu thêm thông tin về doanh nghiệp, bao gồm nhưng không giới hạn như Điều lệ doanh nghiệp, các Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, các Nghị quyết Hội đồng quản trị, các Báo cáo của Ban Kiểm soát, các Báo cáo tài chính, Báo cáo kiểm toán, tình hình doanh nghiệp v.v.. Cũng như việc tham gia phải bảo đảm rằng việc đăng ký mua hay thực hiện giao dịch được/sẽ được thanh toán bằng nguồn tiền hợp pháp, đúng thẩm quyền, đảm bảo các quy định về công bố thông tin, giao dịch của cổ đông lớn, cổ đông nội bộ, tỷ lệ sở hữu, chào mua công khai v.v.. phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành.

Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh Vốn Nhà nước không chịu trách nhiệm về nội dung cũng như tính chính xác về mặt số liệu của Bản công bố thông tin này

Chúng tôi khuyến cáo các nhà đầu tư nên tham khảo Bản công bố thông tin này và các nguồn thông tin có liên quan khác trước khi quyết định tham gia đấu giá mua cổ phần.

Trân trọng cảm ơn.

Hà Nội, ngày tháng năm 2016

Quảng Ninh, ngày 21 tháng 9 năm 2016

TỔ CHỨC CÓ CỔ PHIẾU ĐƯỢC CHÀO BÁN
CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN QUẢNG NINH

TỔNG GIÁM ĐỐC



LÊ DUY HẠNH

Hà Nội, ngày tháng năm 2016

TỔ CHỨC TƯ VẤN**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN MARITIME****PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC****NGUYỄN ĐỨC HOÀN**